BAC A BANK

NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

MỤC LỤC

1. TỔNG QUAN 1
1.1. Thông tin chung về BAC A BANK 1
1.2. Quá trình hình thành - phát triển 2
1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 3
1.4. Mô hình tổ chức quản lý 5
1.5. Định hướng phát triển 6
1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh 7
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 10
2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2025 10
2.2. Tổ chức và nhân sự 12
2.3. Tình hình đầu tư 17
2.4. Tình hình tài chính 19
2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi Vốn chủ sở hữu 20
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội 21
3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 23
3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh 23
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật 26
3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 28
3.4. Kế hoạch phát triển 28
3.5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán 29
3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội 29
4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 30
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK 30
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành 31
4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị 31
5. QUẢN TRỊ CÔNG TY 33
5.1. Hội đồng quản trị 33
5.2. Ban Kiểm soát 35
5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích 36
6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 37

1. TỔNG QUAN

1.1. Thông tin chung về BAC A BANK

1.1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
  Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á
- Tên tiếng Anh:
  BAC A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt:
  BAC A BANK
- Mã cổ phiếu:
  BAB
- Giấy chứng nhận ĐKKD số:
  2900325526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025:
  10.032.190.520.000 VND
  (Mười nghìn không trăm ba mươi hai tỷ, một trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng)
- Giấy phép thành lập và hoạt động:
  47/GP-NHNN
- Địa chỉ:
  Số 117 Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại:
  (84-238) 3844277
- Số fax:
  (84-238) 3841757
- Website:
  http://www.baca-bank.vn

1.1.2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

❖ Tầm nhìn

Ngân hàng TMCP Bắc Á kiên trì phấn đấu để luôn là một ngân hàng tận tâm, tạo ra một thế hệ khách hàng phát triển bền vững, đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... Với tư duy vượt trội, tính tiên phong, chuyên nghiệp, cải tiến không ngừng, vì hạnh phúc đích thực của mỗi con người với quyết tâm làm giàu chính đáng, BAC A BANK hướng tới giá trị bền vững cho các nhà đầu tư và ấm no hạnh phúc cho cộng đồng.

Ngân hàng định hướng trở thành một ngân hàng đa năng, cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính - ngân hàng như: Dịch vụ tài khoản nội tệ và ngoại tệ, Dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước, Dịch vụ tiền gửi - tiết kiệm, Dịch vụ tín dụng - cho vay, Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử, Dịch vụ bảo lãnh thanh toán và tài trợ thương mại, Dịch vụ kinh doanh ngoại hối, Dịch vụ bảo hiểm… Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu trải nghiệm khách hàng trên nền tảng công nghệ hiện đại. Qua đó, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, gia tăng năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế trên thị trường tài chính – ngân hàng trong nước và khu vực.

❖ Sứ mệnh

Ngân hàng TMCP Bắc Á phục vụ cho một thế hệ các doanh nghiệp phát triển bền vững, tạo ra giá trị cốt lõi, mang lại giá trị đích thực cho cộng đồng và thân thiện với môi trường.

❖ Giá trị cốt lõi

- Tiên phong
- Chuyên nghiệp
- Đáng tin cậy
- Cải tiến không ngừng
- Vì hạnh phúc đích thực

1.2. Quá trình hình thành - phát triển

Ngân hàng TMCP Bắc Á được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với số vốn ban đầu chỉ có 20 tỷ đồng cùng 01 điểm giao dịch duy nhất đồng thời là Trụ sở chính và 08 thành viên đầu tiên. Trải qua hơn 30 năm, Ngân hàng đã từng bước chuyển mình mạnh mẽ với nhiều thành tựu và những dấu son đáng nhớ:

Giai đoạn 1994 – 2005, BAC A BANK xây dựng nền tảng hoạt động và mở rộng mạng lưới với việc khai trương Chi nhánh Hà Nội năm 1995 – dấu mốc đầu tiên trong chiến lược phát triển. Đến năm 2004, BAC A BANK chính thức có mặt tại khu vực kinh tế trọng điểm miền Nam, đánh dấu bởi lễ khai trương Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Đây là giai đoạn đặt nền móng quan trọng cho quá trình phát triển lâu dài của BAC A BANK.

Bước sang giai đoạn 2006 – 2010, BAC A BANK thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ phân tán sang tập trung, đồng thời tổ chức lại theo hướng chuyên môn hóa các Khối/Ban/Phòng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và vận hành. Đặc biệt, trong các năm 2009, 2010, Ngân hàng đã đầu tư và triển khai hệ thống Core Banking, tạo nền tảng công nghệ hiện đại, góp phần phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tiên tiến và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường tài chính.

Trong giai đoạn 2011 – 2015, BAC A BANK ghi dấu ấn mạnh mẽ về thương hiệu và định hướng phát triển bền vững. Năm 2011, Ngân hàng ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới với biểu tượng hoa sen, thể hiện triết lý phát triển nhân văn và bền vững. Năm 2012, Ngân hàng khẳng định vai trò nổi bật trong hoạt động tư vấn đầu tư khi góp phần vào thành công của Dự án sữa TH True MILK, đặt nền móng cho ngành sữa tươi sạch tại Việt Nam. Đến năm 2014, nhân kỷ niệm 20 năm thành lập, Ngân hàng được trao tặng Cờ thi đua của Chính phủ, cá nhân Bà Thái Hương - Tổng Giám đốc BAC A BANK được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Năm 2015, BAC A BANK cơ bản hoàn thành kế hoạch phát triển 05 năm (2011 – 2015) với nhiều kết quả tích cực, đồng thời được vinh danh là ngân hàng tiêu biểu trong phát triển bền vững vì cộng đồng.

Giai đoạn 2016 – 2020 đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng hoạt động. Năm 2016, Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng và mở rộng mạng lưới trên toàn quốc với 97 điểm giao dịch. Năm 2017, cổ phiếu BAB chính thức giao dịch trên sàn UPCoM, mở ra bước tiến mới về minh bạch và huy động vốn. Năm 2019, Ngân hàng triển khai hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn mực quốc tế, nâng cao năng lực quản trị rủi ro; đồng thời kỷ niệm 25 năm thành lập với nhiều phần thưởng cao quý của Nhà nước. Đến năm 2020, vốn điều lệ BAC A BANK tăng lên 7.085 tỷ đồng, mạng lưới đạt 145 điểm giao dịch và Ngân hàng được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Ngày 03/03/2021, cổ phiếu mã BAB của Ngân hàng TMCP Bắc Á đã chính thức được niêm yết trên sàn HNX.

Trong giai đoạn 2021 – 2025, BAC A BANK tiếp tục khẳng định vị thế với định hướng phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động. Từ 2021 đến 2023, Ngân hàng chủ động triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do đại dịch Covid-19, góp phần ổn định kinh tế. Cũng trong giai đoạn này, Ngân hàng tiếp tục tăng vốn điều lệ, mở rộng mạng lưới hoạt động trên nhiều tỉnh thành, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số với việc triển khai mô hình ngân hàng tự động (Kiosk Banking), phát triển các sản phẩm dịch vụ hiện đại, ra mắt thẻ tín dụng quốc tế và áp dụng các công cụ quản trị tiên tiến trong quản trị điều hành như hệ thống FTP.

Năm 2024, mặc dù đối mặt với nhiều thách thức từ kinh tế toàn cầu và thị trường tài chính trong nước, BAC A BANK vẫn duy trì tăng trưởng ổn định, nâng vốn điều lệ lên 8.959 tỷ đồng và mở rộng mạng lưới 187 điểm giao dịch tại 46 tỉnh thành. Ngân hàng tập trung phát triển ngân hàng số, liên tục nâng cấp hệ thống Core Banking, Internet Banking và Mobile Banking, đồng thời đạt nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế, cùng với việc được FiinRatings xếp hạng tín nhiệm ở mức A- với triển vọng ổn định.

Năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi và tăng trưởng ổn định dù vẫn chịu tác động từ biến động kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, BAC A BANK đã chủ động triển khai các giải pháp kinh doanh linh hoạt, bám sát định hướng điều hành của Đảng, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, đồng thời tăng cường quản trị rủi ro, kiểm soát chất lượng tín dụng và tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn. Nhờ chiến lược phù hợp và sự nỗ lực của toàn hệ thống, Ngân hàng duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, kiểm soát tốt chất lượng tài sản và cơ bản hoàn thành các mục tiêu kế hoạch với Tổng tài sản đạt 195.820 tỷ đồng, Vốn điều lệ đạt 10.032 tỷ đồng, mở rộng mạng lưới 194 điểm giao dịch trên toàn quốc.

Trong năm, BAC A BANK cũng đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ, phát triển các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, 2025 cũng là năm BAC A BANK vinh dự được nhận nhiều giải thưởng cao quý của các tổ chức trong và ngoài nước như: Ba giải thưởng tại chương trình “Vietnam Leading Brands 2025” gồm: “Top 10 Ngân hàng dẫn đầu Việt Nam”, “Ngân hàng phát triển bền vững”; Anh hùng Lao động Thái Hương - Tổng giám đốc BAC A BANK được vinh danh là “Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu”; Bốn giải thưởng về môi trường làm việc từ HR Asia gồm: “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á”; “Doanh nghiệp quan tâm chăm sóc nhân viên tuyệt vời nhất”; “Doanh nghiệp có chính sách đa dạng, bình đẳng và hòa nhập nổi bật nhất” và “Doanh nghiệp có môi trường làm việc bền vững”.

Tháng 10/2025, Fitch Ratings - một trong ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm lớn nhất thế giới đã lần đầu công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm quốc tế cho BAC A BANK ở mức "B+", triển vọng Ổn định. Những ghi nhận này tiếp tục khẳng định uy tín thương hiệu và là động lực để BAC A BANK kiên định mục tiêu phát triển an toàn, minh bạch và bền vững.

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.3.1. Ngành nghề kinh doanh

Ngân hàng TMCP Bắc Á cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính - ngân hàng như: Dịch vụ tài khoản nội tệ và ngoại tệ, Dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước, Dịch vụ tiền gửi - tiết kiệm, Dịch vụ tín dụng - cho vay, Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử, Dịch vụ bảo lãnh thanh toán và tài trợ thương mại, Dịch vụ kinh doanh ngoại hối... Chất lượng và hiệu quả hoạt động của BAC A BANK luôn được khẳng định và phát triển theo hướng ngày càng hiện đại, bền vững với hệ thống mạng lưới được củng cố và mở rộng trên quy mô toàn quốc.

1.3.2. Mạng lưới hoạt động

Mạng lưới giao dịch của BAC A BANK tại ngày 31/12/2025 có 194 điểm giao dịch đang hoạt động phân bố tại 30/34 tỉnh thành trên cả nước trải dài từ Bắc đến Nam.

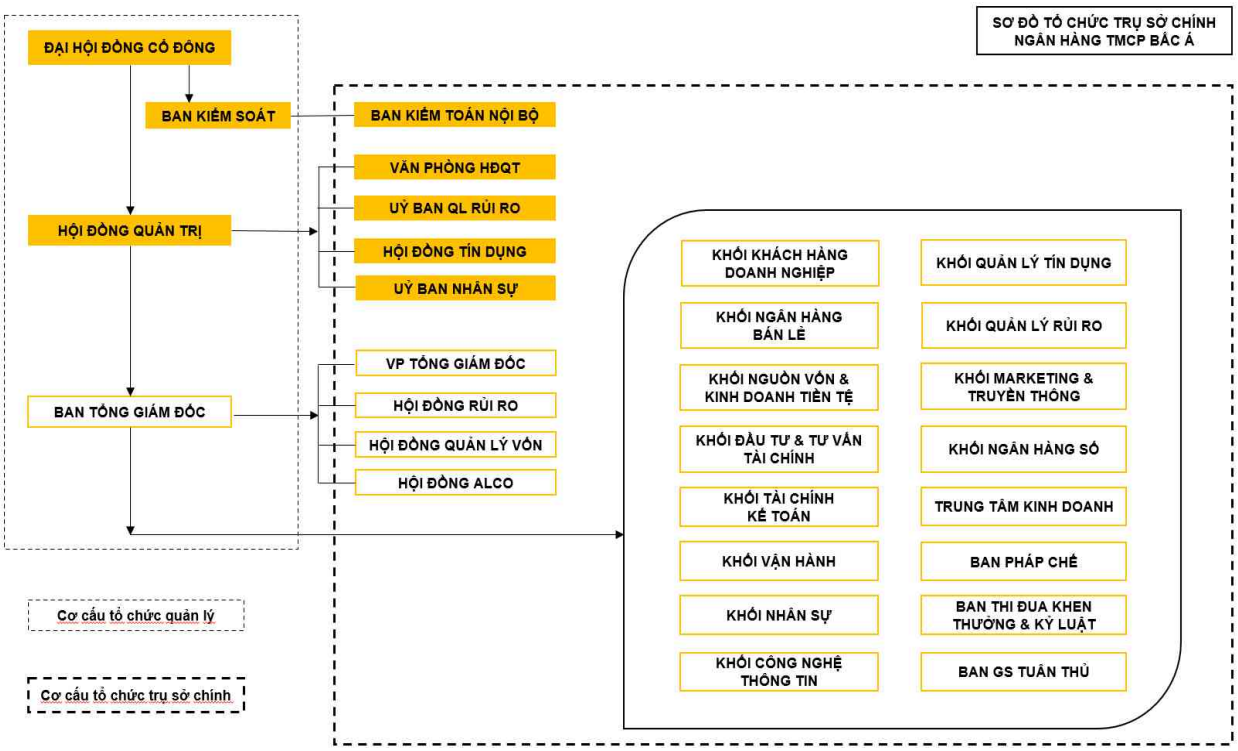
Nghệ An	**01 CHI NHÁNH**	**TP. Hà Nội**	**12 CHI NHÁNH**
01 TRỤ SỞ CHÍNH	11 Phòng giao dịch		45 Phòng giao dịch
Hải Phòng	**02 CHI NHÁNH**	**Hưng Yên**	**02 CHI NHÁNH**
	04 Phòng giao dịch		04 Phòng giao dịch
Quảng Ninh	**01 CHI NHÁNH**	**Lào Cai**	**02 CHI NHÁNH**
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Thái Nguyên	**01 CHI NHÁNH**	**Lạng Sơn**	**01 CHI NHÁNH**
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Ninh Bình	**03 CHI NHÁNH**	**Thanh Hóa**	**01 CHI NHÁNH**
	06 Phòng giao dịch		04 Phòng giao dịch
Hà Tĩnh	**01 CHI NHÁNH**	**Bình Định**	**01 CHI NHÁNH**
	03 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Quảng Bình	**01 CHI NHÁNH**	**Đắk Lắk**	**02 CHI NHÁNH**
	02 Phòng giao dịch		05 Phòng giao dịch
Huế	**01 CHI NHÁNH**	**Lâm Đồng**	**03 CHI NHÁNH**
	02 Phòng giao dịch		02 Phòng giao dịch
Đà Nẵng	**02 CHI NHÁNH**	**Khánh Hòa**	**01 CHI NHÁNH**
	03 Phòng giao dịch		02 Phòng giao dịch
TP. Hồ Chí Minh	**05 CHI NHÁNH**	**Đồng Nai**	**01 CHI NHÁNH**
	19 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Cần Thơ	**01 CHI NHÁNH**	**An Giang**	**02 CHI NHÁNH**
	02 Phòng giao dịch		02 Phòng giao dịch
Bắc Ninh	**02 CHI NHÁNH**	**Tây Ninh**	**02 CHI NHÁNH**
	03 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Phú Thọ	**03 CHI NHÁNH**	**Tuyên Quang**	**01 CHI NHÁNH**
	05 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Sơn La	**01 CHI NHÁNH**	**Cà Mau**	**01 CHI NHÁNH**
Đồng Tháp	**01 CHI NHÁNH**	**Điện Biên**	**01 CHI NHÁNH**

Trong năm 2025, BAC A BANK mở thêm 07 Phòng giao dịch tại các tỉnh/thành, bao gồm: Phòng giao dịch Lạc Sơn thuộc Chi nhánh Hoà Bình; Phòng giao dịch Hùng Vương thuộc Chi nhánh Phú Thọ; Phòng giao dịch Nghĩa Hưng thuộc Chi nhánh Nam Định; Phòng giao dịch Hoa Lư thuộc Chi nhánh Ninh Bình; Phòng giao dịch Krông Pắc thuộc Chi nhánh Đắk Lắk; Phòng giao dịch Hoà Lạc thuộc Chi nhánh Sơn Tây và Phòng giao dịch Thành Đông thuộc Chi nhánh Hải Dương.

1.4. Mô hình tổ chức quản lý

1.4.1. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị của BAC A BANK gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Cơ cấu bộ máy quản lý của BAC A BANK được thể hiện chi tiết ở hình sau:



Nguồn: Cơ cấu tổ chức tại Trụ sở chính theo Quyết định số 276/2025/QĐ-HĐQT ngày 29/12/2025

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của BAC A BANK, quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ BAC A BANK quy định. Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị với chức năng là cơ quan quản trị giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông của BAC A BANK, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của BAC A BANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Ban Tổng Giám đốc với chức năng là cơ quan quản lý và chịu trách nhiệm trực tiếp triển khai chiến lược hoạt động của Ngân hàng.

Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị gồm có: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng. Các Hội đồng trực thuộc Ban Tổng Giám đốc gồm có: Hội đồng ALCO, Hội đồng Quản lý vốn và Hội đồng Rủi ro. Bộ máy hoạt động của BAC A BANK bao gồm các Đơn vị (Khối, Ban, Trung tâm Kinh doanh, Văn phòng trực thuộc) tại Hội sở, các Chi nhánh và Phòng giao dịch.

1.4.2. Công ty con

Tính đến hết năm 2025, Ngân hàng có hai (02) công ty con do BAC A BANK sở hữu 100% vốn là:

❖ **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á**

- Địa chỉ: Số 67 phố Nguyễn Thị Định, phường Yên Hòa, Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104507588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 03 năm 2010.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.

❖ **Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á**

- Địa chỉ: Số 09 phố Đào Duy Anh, phường Kim Liên, Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107983828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 09 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 77.000.000.000 đồng (Bảy mươi bảy tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.

1.5. Định hướng phát triển

1.5.1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu của Ngân hàng TMCP Bắc Á là phát triển theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả, vững chắc, có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Trong giai đoạn tới, Ngân hàng TMCP Bắc Á tiếp tục tập trung nâng cao năng lực tài chính và củng cố năng lực hoạt động, theo hướng an toàn và hiệu quả; phấn đấu trở thành ngân hàng đa năng, theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặc biệt ưu tiên cho vay các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ cho nông nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục.

1.5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Ngân hàng TMCP Bắc Á thực hiện kế hoạch phát triển bền vững, ổn định, hiệu quả; tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc xây dựng và phát triển thương hiệu, khẳng định vị thế của Ngân hàng ở trong nước, hướng tới hội nhập khu vực và quốc tế. Xây dựng văn hóa kinh doanh thành nền tảng để đầu tư phát triển chiều sâu ngay từ ban đầu, trong đó xác định nguồn nhân lực chính là nòng cốt để phát triển bền vững, chọn và đào tạo đúng người, đúng việc, thực hiện chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho nhân viên.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành quyết tâm xây dựng, phát triển Ngân hàng TMCP Bắc Á vững mạnh về mọi mặt, đủ sức cạnh tranh trong thời kỳ toàn cầu hóa, lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng là tiêu chí phấn đấu với những bước tăng trưởng mang tính đột phá, phù hợp với xu hướng phát triển thời đại để xây dựng một ngân hàng cổ phần đa năng, với sự có mặt của các cổ đông chiến lược trong và ngoài nước để hỗ trợ toàn diện năng lực hoạt động cũng như các mặt nghiệp vụ ngân hàng.

1.5.3. Định hướng trách nhiệm xã hội - cộng đồng

Ngân hàng TMCP Bắc Á ưu tiên nguồn vốn cho vay các dự án liên quan đến ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp, nông thôn, thực phẩm, y tế, dược liệu, giáo dục và các lĩnh vực phục vụ an sinh xã

hội… Những hoạt động này mang lại giá trị bền vững cho sự phát triển của Ngân hàng và góp phần vào sự đổi mới, thịnh vượng của đất nước.

BAC A BANK rất chú trọng tham gia các sự kiện hỗ trợ hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng như tài trợ các diễn đàn về thị trường vốn, các hội nghị về giám sát tài chính. Bên cạnh đó, thông qua việc đồng hành cùng Quỹ Vì Tầm Vóc Việt, các hoạt động từ thiện xã hội cũng được quan tâm và triển khai thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động của BAC A BANK nhằm chung tay sẻ chia với cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội và theo đuổi mục tiêu nâng cao trí lực Việt Nam.

1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh

1.6.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro dẫn đến tổn thất tài sản của các ngân hàng trong trường hợp khách hàng được cấp tín dụng không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ những cam kết đã nêu tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

BAC A BANK đã triển khai áp dụng nhiều biện pháp khác nhau nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng. Trước hết là xây dựng, hoàn thiện và cập nhật chính sách, quy trình tín dụng; tiếp theo là chú trọng nâng cao chất lượng công tác thẩm định, tăng cường kiểm tra giám sát, quản lý vay nợ. Ngân hàng luôn đề cao việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra nội bộ, tránh tình trạng cho vay theo thành tích. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đã tính toán và trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ theo quy định hiện hành.

Ngân hàng đa dạng hóa danh mục cho vay theo ngành với đối tượng khách hàng khác nhau để giảm thiểu rủi ro và nhất quán thực hiện tăng trưởng tín dụng theo định hướng đã đề ra là ưu tiên nguồn vốn tín dụng vào lĩnh vực cho vay nhóm các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, các ngành sản xuất, chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

1.6.2. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

BAC A BANK triển khai quản lý rủi ro hoạt động theo từng giai đoạn, bám sát thông lệ quốc tế và chuẩn mực Basel, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế và tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngân hàng đã phân loại các sự kiện rủi ro hoạt động theo nhóm nguyên nhân, xây dựng quy trình quản lý đầy đủ từ nhận dạng, đo lường đến theo dõi và kiểm soát rủi ro trong toàn bộ hoạt động, sản phẩm và hệ thống công nghệ.

Công tác đo lường rủi ro được thực hiện thông qua nhiều phương pháp như: sử dụng kết quả kiểm toán, phân tích dữ liệu tổn thất, tự đánh giá kiểm soát, sơ đồ hóa quy trình, theo dõi chỉ số rủi ro và phân tích kịch bản nhằm nhận diện và giảm thiểu rủi ro.

BAC A BANK thực hiện kiểm soát rủi ro theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ. Khi tổn thất vượt hạn mức, Ngân hàng triển khai các biện pháp tăng cường nhằm hạn chế và phòng ngừa rủi ro trong tương lai. Bên cạnh đó, hệ thống báo cáo nội bộ về rủi ro hoạt động được duy trì thường xuyên.

1.6.3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị danh mục tài sản tài chính của ngân hàng. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại hối, rủi ro giá cổ phiếu và rủi ro giá hàng hóa.

Các biện pháp quản trị rủi ro thị trường tại BAC A BANK được xây dựng trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và hệ thống quy định nội bộ. Trước hết, Ngân hàng thiết lập hạn mức rủi ro thị trường nhằm nâng cao sự an toàn trong hoạt động cũng như đáp ứng các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro thị trường và trạng thái trên cơ sở phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, BAC A BANK cũng triển khai quy trình quản lý rủi ro thị trường gồm các bước: nhận diện, đo lường, giám sát, báo cáo và kiểm soát. Các trạng thái rủi ro được theo dõi thường xuyên và phải nằm trong giới hạn cho phép. Ngân hàng cũng phân tách rõ giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận quản lý rủi ro nhằm đảm bảo kiểm soát khách quan.

Ngoài ra, BAC A BANK cũng thực hiện định giá các công cụ tài chính theo giá thị trường hoặc mô hình phù hợp, sử dụng dữ liệu đáng tin cậy và cập nhật thường xuyên. Công tác giám sát hạn mức được thực hiện liên tục, kèm theo cơ chế cảnh báo sớm và xử lý kịp thời khi có dấu hiệu vi phạm, qua đó góp phần đảm bảo hoạt động an toàn và hiệu quả.

1.6.4. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị Tài sản, giá trị Nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng, phát sinh do:

(i) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất;

(ii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn;

(iii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;

(iv) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

BAC A BANK đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất để định kỳ lập các báo cáo về thị trường, đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường; đồng thời, thiết lập hạn mức, mức cảnh báo đối với rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

Ngân hàng sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay, chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa Tài sản Có và Tài sản Nợ.

Ngân hàng tăng cường huy động vốn, mở rộng các nguồn tín dụng có hiệu quả, đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ quy mô, cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn bằng VNĐ và ngoại tệ phù hợp với khả năng, kỳ hạn và cơ cấu vốn huy động.

Một chiến lược khác của Ngân hàng là phát triển các dịch vụ tiện ích để thu hút khách hàng mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất trên thị trường.

1.6.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do:

(i) Ngân hàng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn;

(ii) Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của ngân hàng.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, BAC A BANK huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng áp dụng chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Ngân hàng đã xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý nguồn vốn tập trung tại Hội sở chính nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. Ngân hàng dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ cũng được Ngân hàng đặc biệt coi trọng nhằm có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.

1.6.6. Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh

Hiện nay, các rủi ro từ môi trường, thiên tai và dịch bệnh ngày càng gia tăng và diễn biến khó lường, gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và hoạt động của ngành ngân hàng nói riêng.

Những yếu tố này không chỉ làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến thu nhập của người dân, từ đó làm gia tăng rủi ro tín dụng và áp lực đối với công tác quản trị rủi ro của các ngân hàng.

Trước bối cảnh đó, BAC A BANK đã chủ động xây dựng và triển khai các chính sách quản lý rủi ro phù hợp nhằm ứng phó với các biến động từ môi trường bên ngoài. Ngân hàng tập trung thực hiện các giải pháp vừa hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn, vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định và an toàn.

Cụ thể, BAC A BANK thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho các khách hàng bị ảnh hưởng, giúp giảm áp lực tài chính trong ngắn hạn. Đồng thời, Ngân hàng triển khai các gói tín dụng ưu đãi với lãi suất hợp lý nhằm hỗ trợ khách hàng khôi phục và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, kết hợp với chính sách miễn, giảm lãi suất phù hợp. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng tăng cường tư vấn tài chính, hỗ trợ khách hàng quản lý dòng tiền hiệu quả trong giai đoạn khó khăn.

Những giải pháp này không chỉ góp phần hỗ trợ khách hàng ổn định hoạt động mà còn thể hiện vai trò chủ động của Ngân hàng trong quản trị rủi ro, hướng tới phát triển bền vững trong dài hạn.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2025

2.1.1 Môi trường kinh doanh

- **Tình hình kinh tế thế giới**

Kinh tế - xã hội thế giới năm 2025 trải qua một năm đầy biến động khi xung đột vũ trang, giao tranh tại nhiều điểm nóng chưa chấm dứt do cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và chủ nghĩa dân tộc đe dọa an ninh, hòa bình của khu vực và thế giới. Cùng với đó, rào cản thương mại quốc tế gia tăng với sự khó đoán trong chính sách thuế quan của Mỹ, thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng, thách thức đối với đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh lương thực ngày càng gia tăng.

Mặc dù chính sách tại nhiều nền kinh tế lớn thay đổi nhanh và bất ổn chính trị kéo dài, nền kinh tế thế giới năm 2025 vẫn giữ được đà tăng trưởng. Những yếu tố hỗ trợ chính bao gồm: lạm phát tiếp tục xu hướng giảm ở nhiều quốc gia; các chính sách vĩ mô thúc đẩy tăng trưởng, đầu tư trí tuệ nhân tạo (AI) mạnh mẽ trở thành xu thế mới và động lực quan trọng để nâng cao sức cạnh tranh, năng suất lao động của các quốc gia. Theo ước tính của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 đạt quanh mức 3%, thấp hơn so với năm 2024

Năm 2025, tăng trưởng kinh tế Việt Nam thuộc nhóm nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Kết quả này chủ yếu nhờ việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và những cải thiện trong môi trường kinh doanh, qua đó tạo thêm dư địa và động lực cho tăng trưởng kinh tế.

- **Tình hình kinh tế Việt Nam**

Năm 2025 là năm kinh tế nước ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: mưa, bão gây ngập lụt nghiêm trọng, lũ quét và sạt lở đất tại các địa phương đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân. Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo linh hoạt, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã theo dõi chặt chẽ những biến động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, nỗ lực thực hiện đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp, nền kinh tế nước ta đạt được nhiều kết quả tích cực.

GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng khoảng 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011 - 2025. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. GDP bình quân đầu người năm 2025 theo giá hiện hành khoảng 125,5 triệu đồng/người, tương đương 5.026 USD, tăng 326 USD so với năm 2024 (4.700 USD).

CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Bình quân năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,31% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,0%; nhập khẩu tăng 19,4% . Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,03 tỷ USD. Về thị trường tài chính tiền tệ, năm 2025, Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần tăng trưởng kinh tế. Tính đến thời điểm 22/12/2025, tổng phương tiện thanh toán tăng 14,98% so với cuối năm 2024 (cùng thời điểm năm trước tăng 9,15%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 13,68% (cùng thời điểm năm trước tăng 8,79%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 17,65% (cùng thời điểm năm trước tăng 13,4%).

2.1.2 Hoạt động kinh doanh của BAC A BANK

Năm 2025, kinh tế thế giới dù tăng trưởng nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn cùng những căng thẳng địa chính trị, xung đột thương mại và những gián đoạn cục bộ của chuỗi cung ứng tiếp tục ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư quốc tế. Trong nước, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục trên đà phục hồi, lạm phát bình quân được kiểm soát ở mức thấp, tỷ giá và lãi suất tương đối ổn định, tạo đà cho sản xuất, xuất khẩu và đầu tư phát triển.

Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh của BAC A BANK năm 2025 tiếp tục ghi nhận những kết quả khả quan. Căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, Ngân hàng đã cơ bản hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao cho năm 2025. Cụ thể như sau:

Tổng tài sản

195.820 tỷ đồng

Tăng 18,33% so với năm 2024

Tổng tài sản của BAC A BANK tăng trưởng liên tục trong các năm gần đây. Tổng tài sản của Ngân hàng từ năm 2021 đến 2025 đạt mức tăng trưởng bình quân là 10,99%/năm. Năm 2025, Tổng tài sản của Ngân hàng đạt 195.820 tỷ đồng, tăng 18,33% so với năm 2024, hoàn thành 107,44% so với kế hoạch đề ra.

Tổng dư nợ cho vay khách hàng

126.405 tỷ đồng

Tăng 15,38% so với năm 2024

Ngân hàng luôn nhất quán với định hướng ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

Từ năm 2021 đến nay, mức tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng đạt mức bình quân là 9,79%/năm. Tổng dư nợ cho vay khách hàng năm 2025 đạt 126.405 tỷ đồng, tăng 15,38% so với năm 2024 và hoàn thành 103,67% kế hoạch đề ra.

Tổng huy động vốn

178.367 tỷ đồng

Tăng 18,53% so với năm 2024

- *Huy động vốn TT1 là 133.924 tỷ đồng*
- *Huy động vốn TT2 là 44.443 tỷ đồng*

Tổng huy động vốn tăng trưởng liên tục trong suốt những năm gần đây với mức tăng trưởng bền vững, trung bình tăng 11,21%/năm từ năm 2021 đến nay. Để đạt được kết quả đó, công tác thương hiệu đóng vai trò quan trọng, hệ thống nhận diện thương hiệu mang tính chuyên nghiệp cùng với công tác chăm sóc khách hàng được nâng cao, dịch vụ tiện ích mới ngày càng phát triển đã tác động không nhỏ đến công tác huy động vốn của Ngân hàng.

Năm 2025, huy động vốn thị trường 1 đạt 133.924 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 75,08% tổng huy động vốn. Huy động vốn thị trường 2 của Ngân hàng đến cuối năm 2025 là 44.443 tỷ đồng, chỉ chiếm 24,92% tổng huy động vốn.

Lợi nhuận sau thuế

1.190 tỷ đồng

Tăng 17,64% so với năm 2024

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng liên tục từ năm 2014 đến nay (chỉ riêng năm 2020, lợi nhuận sau thuế của BAC A BANK giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19). Năm 2025, lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng đạt mức 1.190 tỷ đồng, tăng 17,64% so với năm 2024.

Mạng lưới

194 điểm giao dịch đang hoạt động

Mạng lưới giao dịch tiếp tục được mở rộng trên phạm vi cả nước. Năm 2025, tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK là 194 điểm, tăng 07 điểm giao dịch so với năm 2024. Cụ thể, trong năm 2025, BAC A BANK đã mở rộng thêm mạng lưới hoạt động tại các tỉnh/thành: Hà Nội, Phú Thọ, Hải Phòng, Ninh Bình, Đắk Lắk.

Nhân sự: 4.284 người

Số lượng nhân viên tại thời điểm 31/12/2025 là 4.284 người, tăng 10,24% so với cuối năm 2024.

2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

❖ **Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng tại ngày 31/12/2025

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (31/12/2025)
I.	**Thành viên Hội đồng Quản trị**		
1	Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch HĐQT	3,108%
2	Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4,350%
3	Ông Võ Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,078%
4	Ông Đặng Thái Nguyên	Thành viên HĐQT	0,311%
5	Bà Hoàng Hồng Hạnh	Thành viên độc lập HĐQT	-
II.	**Ban Điều hành**		
1	Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc	4,350%
2	Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	-
3	Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc	3,584%
4	Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc	0,215%
5	Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	-
6	Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	0,078%
7	Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc	-
8	Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc	0,187%
9	Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc	-
10	Bà Thái Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	-
III.	**Thành viên Ban Kiểm soát**		
1	Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban Kiểm soát	0,214%
2	Bà Trần Thị Khánh Chi	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	-
3	Bà Nguyễn Thanh Thuỷ	Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	-
IV.	**Kế toán trưởng**		
1	Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng	-

❖ **Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thị Thoảng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ Từ năm 1981 đến 1990: Cán bộ Ban tài chính vật giá thị xã Cẩm Phả
- ✓ Từ năm 2000 đến nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bắc Á

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Chủ tịch HĐQT

Bà Thái Hương

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1982 đến 1985	Cán bộ Ban vật giá tài chính Hải Phòng
✓ Từ năm 1985 đến 1989	Cán bộ kế toán Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ An
✓ Từ năm 1989 đến 1994	Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Hương Hà
✓ Từ năm 1994 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Quang

Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1981 đến 1986	Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 02 - Sở Xây Dựng Nghệ An
✓ Từ năm 1986 đến 1992	Cán bộ/ Phó Phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh tỉnh Nghệ An
✓ Từ năm 1993 đến 1997	Cán bộ/ Phó Phòng thanh tra các Ngân hàng TMCP Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
✓ Từ năm 1997 đến 2009	Chánh văn phòng Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
✓ Từ năm 2009 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1997 đến 2003	Trưởng Phòng Tín dụng - Hội sở Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2003 đến 2006	Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa - Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2006 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên HĐQT

Bà Hoàng Hồng Hạnh

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế, Phó Tiến sỹ khoa học (nay là Tiến sỹ) Tài chính - Ngân hàng
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1986 đến 1992	Trợ lý cán bộ giảng dạy, Cán bộ giảng dạy Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
✓ Từ năm 1992 đến 2009	Cán bộ Hội sở chính, Phó trưởng phòng vốn, Trưởng phòng vốn, Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp lớn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
✓ Từ năm 2009 đến 2010	Tổng giám đốc Công ty Quản lý Đầu tư TH, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Intimex Việt Nam
✓ Từ năm 2010 đến 2013	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Intimex Việt Nam
✓ Từ năm 2013 đến 2015	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Đầu tư Quốc tế
✓ Từ năm 2015 đến 2019	Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Bắc Á

✓ Từ năm 2015 đến nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Đầu tư Quốc tế
✓ Từ năm 2024 đến nay	Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên độc lập HĐQT

❖ Ban Kiểm soát

Ông Phạm Hồng Công

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1984 đến 1991	Trưởng phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Xuất nhập khẩu Vật liệu xây dựng Vinh
✓ Từ năm 1992 đến 1994	Kế toán trưởng Tổng đội Thanh niên xây dựng kinh tế Vinh
✓ Từ năm 1994 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Khánh Chi

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 2012 đến 2013	Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2013 đến 2016	Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2016 đến 2021	Nhân viên hậu kiểm Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2021 đến 2024	Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2024 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

Bà Nguyễn Thanh Thuỷ

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 2014 đến 2024	Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2024 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách

❖ Ban Điều hành

Bà Thái Hương - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Ông Đặng Trung Dũng

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1995 đến năm 1996	Kế toán tổng hợp, Phó Giám đốc Tài chính Công ty VIFOCO tại Hà Nội
✓ Từ năm 1996 đến năm 2000	Chuyên viên tín dụng, Ngân hàng VIB
✓ Từ năm 2001 đến năm 2004	Trưởng Phòng Tín dụng, BAC A BANK
✓ Từ năm 2004 đến năm 2006	Phó Giám đốc phụ trách BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội

✓ Từ năm 2006 đến năm 2016	Phó Tổng Giám đốc thường trực, SHB Bank
✓ Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Chu Nguyên Bình

Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 2001 đến năm 2002	Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán KPMG
✓ Từ năm 2002 đến năm 2003	Trưởng phòng Kiểm toán và tư vấn, Công ty Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn Việt Nam (AACC)
✓ Từ năm 2003 đến năm 2006	Chuyên viên Kinh doanh Vốn và Ngoại tệ, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
✓ Từ năm 2006 đến năm 2008	Giám đốc Nguồn vốn, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
✓ Từ năm 2008 đến năm 2015	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Ngoại tệ, BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ

Ông Nguyễn Trọng Trung

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1986 đến năm 1989	Kế toán - Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh - Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh
✓ Từ năm 1989 đến năm 1994	Kế toán tổng hợp - Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh - Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh
✓ Từ năm 1994 đến năm 2003	Kế toán tổng hợp, BAC A BANK
✓ Từ năm 2003 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, BAC A BANK.
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc

Ông Trương Vĩnh Lợi

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1994 đến năm 1997	Nhân viên Ngân hàng Công thương
✓ Từ năm 1997 đến năm 2008	Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Trung ương (qua các vị trí nhân viên, phó phòng, trưởng phòng)
✓ Từ năm 2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro

Ông Nguyễn Việt Hanh

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 2003 đến năm 2005	Chuyên viên nguồn vốn, Vietcombank Hội sở chính
✓ Từ năm 2005 đến năm 2006	Phó phòng Nguồn vốn, BAC A BANK, Hội sở chính
✓ Từ năm 2006 đến năm 2014	Giám đốc BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ năm 2014 đến năm 2017	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Ngân hàng Bán lẻ và Khối Hỗ trợ Tác nghiệp, BAC A BANK

✓ Từ năm 2017 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành

Ông Nguyễn Ái Dân

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Quá trình công tác:	
✓ Trước 01/08/2005	Giám đốc Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)
✓ Từ năm 2005 đến năm 2016	Trưởng ban Công nghệ thông tin, BAC A BANK
✓ Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ thông tin, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ thông tin

Ông Lê Ngọc Hồng Nhật

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1998 đến năm 2002	Chuyên viên Tín dụng, Thẩm định, Nguồn vốn BIDV CN Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2002 đến năm 2003	Phó phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2003 đến năm 2005	Trưởng phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2005 đến năm 2008	Trưởng phòng Tài chính BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2008 đến năm 2009	Phó Giám đốc Sở giao dịch BAC A BANK
✓ Từ năm 2009 đến năm 2015	Giám đốc Khối Tài chính BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khối Tài chính - Kế toán

Ông Võ Văn Quang - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Bà Thái Thị Nga

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1994 đến 2018	Phó phòng tín dụng Hội sở Vinh
✓ Từ năm 2018 đến 2023	Phó phòng Thẩm định, BAC A BANK Hội sở Vinh
✓ Từ năm 2023 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Hồng Yến

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 2003 đến 2007	Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Bắc Á - Hội sở Vinh
✓ Từ năm 2007 đến 2010	Kiểm soát viên Ngân hàng TMCP Bắc Á - Hội sở Vinh
✓ Từ năm 2010 đến nay	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Kế toán trưởng

2.2.2. Thay đổi Ban Điều hành trong năm

Trong năm 2025, Ngân hàng không có thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.

2.2.3. Cán bộ, nhân viên

❖ Số lượng lao động

Tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống (bao gồm cả công ty con) đến 31/12/2025 là 4.284 người, tăng 398 người so với cuối năm 2024.

Trong năm 2025, công tác tuyển dụng tập trung vào tuyển nhân sự mới cho các Phòng giao dịch và Chi nhánh mở mới và tuyển bổ sung, thay thế các trường hợp nghỉ việc, bổ nhiệm/ điều chuyển. Công tác tuyển dụng luôn đảm bảo tính minh bạch, công khai, tuân thủ quy trình.

❖ Đào tạo lao động

Ngân hàng luôn chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc cũng như để bắt kịp với sự phát triển của các công nghệ và ứng dụng mới trong hoạt động Ngân hàng. Tiếp bước thành công trong năm 2024, hoạt động đào tạo năm 2025 đi vào chiều sâu, quan tâm tới nhu cầu của từng đối tượng học viên. Tính đến 15/12/2025, Ngân hàng đã thực hiện 42 khóa đào tạo với 91 lớp cho 48.330 lượt học viên tham dự trong khoảng 1.218 giờ đào tạo.

Trung tâm Đào tạo BAC A BANK tập trung đào tạo cho đội ngũ cán bộ nhân viên mới với những nội dung thiết thực; đồng thời, tổ chức khóa kỹ năng thiết yếu phục vụ cho công việc và định hướng phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên hiện tại cũng như đội ngũ giảng viên nội bộ. Các chương trình đào tạo kỹ năng chuyên môn được tập trung vào những kỹ năng, nghiệp vụ cụ thể với từng đối tượng, nhằm thay đổi diện mạo, chất lượng công việc như:

- Vận hành, nâng cấp hệ thống học tập trực tuyến BAB - ILS: Xây dựng hơn 30 bài giảng tương tác đa phương tiện với các nội dung đào tạo hội nhập, đào tạo chuyên môn, đào tạo kỹ năng. Số lượt học viên truy cập và học tập trong năm 2025 đạt gần 40.000 lượt.

- Tổ chức triển khai nhiều hình thức đào tạo, đặc biệt là hình thức kết hợp học trực tiếp - Cisco - Zoom, đáp ứng nhu cầu học tập của trên 1.500 học viên trong một thời điểm, giúp cán bộ nhân viên không gặp cản trở trong quá trình học tập.

- Tổ chức thi, sát hạch, kiểm tra kiến thức chuyên môn thường xuyên: Chương trình kiểm tra kiến thức chuyên môn – kiến thức định kỳ về Quy định tiền gửi và Cuộc thi Nghiệp vụ Kho quỹ, Quy định về Đánh giá hiệu quả bán hàng, Chính sách chi khuyến khích và hiệu quả bảo hiểm…

- Tham gia dự án xây dựng Tiêu chuẩn chức danh và Khung năng lực, phần mềm Nhân sự Humax.

- Phát triển đa kênh học tập dành cho cán bộ nhân viên như podcast, talkshow, thư viện số.. với chủ đề đa dạng, cập nhật kiến thức mới (AI, Quản lý tài chính cá nhân, Phát triển kỹ năng cá nhân…).

2.3. Tình hình đầu tư

2.3.1. Tổng quan về tình hình đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính của BAC A BANK bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và góp vốn đầu tư dài hạn. Trong đó, Ngân hàng chú trọng đầu tư danh mục trái phiếu Chính phủ với độ an toàn, thanh khoản cao, hạn chế đầu tư cổ phiếu nhằm giảm thiểu rủi ro. Tình hình đầu tư tài chính của Ngân hàng trong năm 2025 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/giảm
1	Cổ phiếu	137	252	84,62%
2	Chứng chỉ tiền gửi	24.600	22.589	-8,18%

3	Trái phiếu	9.264	12.391	33,76%
	Trong đó: Trái phiếu CP	*3.696*	*3.542*	*-4,17%*
	Trái phiếu TCTD	*2.902*	*7.239*	*149,45%*
	Trái phiếu TCKT	*2.666*	*1.610*	*-39,60%*
4	Góp vốn, đầu tư dài hạn	168	53	-68,71%
	Tổng đầu tư	**34.169**	**35.285**	**3,27%**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK)

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng các khoản mục đầu tư tài chính của Ngân hàng là 35.285 tỷ đồng, tăng 3,27% so với năm 2024, chiếm tỷ trọng 18,02% trên tổng tài sản. Trong đó, đầu tư trái phiếu chiếm 35,12% tổng danh mục đầu tư, chứng chỉ tiền gửi chiếm 64,02%, còn lại là cổ phiếu và góp vốn đầu tư dài hạn chỉ chiếm lần lượt 0,71% và 0,15% tổng danh mục đầu tư.

Ngân hàng chú trọng đầu tư chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác phát hành (chiếm tỷ trọng 64,02% trên tổng danh mục đầu tư) với độ an toàn cao. Đây là tài sản dự trữ thanh khoản quan trọng của Ngân hàng với mức độ sinh lời hợp lý.

Tổng các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn năm 2025 là 53 tỷ đồng, chiếm 0,15% tổng khoản mục đầu tư. Đối với hoạt động góp vốn đầu tư, Ngân hàng chú trọng ưu tiên đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, y tế, giáo dục và an sinh xã hội; đồng thời, thực hiện kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động các dự án/ công ty mà Ngân hàng góp vốn, kiên quyết thoái vốn khỏi các đơn vị làm ăn không hiệu quả và các đơn vị có lĩnh vực đầu tư không thuộc lĩnh vực ưu tiên của Ngân hàng.

Ngân hàng sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm rà soát, đánh giá lại toàn bộ các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần vào doanh nghiệp khác. Mục tiêu của Ngân hàng là giảm dần việc góp vốn, mua cổ phần, đầu tư có hiệu quả chưa cao, cơ cấu lại các khoản góp vốn theo hướng tập trung vào các công ty, dự án có hiệu quả cao, phù hợp với định hướng khuyến khích đầu tư của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư.

2.3.2. Các công ty con

❖ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á

Hoạt động chính của Công ty là tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.

Trong năm qua, hoạt động của Công ty có một vài điểm nổi bật sau:

- Kết quả thu hồi nợ năm 2025 toàn Công ty là 87,37 tỷ đồng với 44 vụ việc được xử lý, giải quyết.

- Thực hiện hoàn thành 18.056 vụ việc thẩm định giá tài sản, các vụ việc thẩm định đều được hoàn thành trong thời hạn quy định, đáp ứng được sự tin tưởng từ Ban lãnh đạo, các đơn vị kinh doanh và khách hàng.

❖ Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á

Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á được thành lập ngày 05 tháng 09 năm 2017. Sau thời gian 02 năm đầu tư và hoàn thiện cơ sở vật chất đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2019. Năm 2025, doanh số chi trả kiều hối của Công ty đạt khoảng 111,50 triệu USD, doanh thu từ hoạt động kiều hối đạt 661 triệu VND. Lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2025 đạt 4.228,15 triệu đồng, tăng 836,61 triệu đồng so với năm 2024 nhờ việc tăng số tiền chi trả kiều hối, cũng như tăng doanh thu hoạt động tài chính và tiết giảm chi phí.

2.4. Tình hình tài chính

2.4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm
1	Tổng tài sản	165.487	195.820	18,33%
2	Doanh thu	12.617	14.386	14,02%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.260	1.474	16,92%
4	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	249	284	14,03%
5	Lợi nhuận sau thuế	1.011	1.190	17,64%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK)

2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm
1	**Quy mô vốn**			
1.1	Vốn điều lệ	8.959	10.032	11,97%
1.2	Tổng tài sản	165.487	195.820	18,33%
1.3	Tỷ lệ an toàn vốn	11,19%	10,10%	-1,09%
2	**Kết quả hoạt động kinh doanh**			
2.1	Tổng huy động vốn	150.485	178.367	18,53%
2.2	Tổng dư nợ cấp tín dụng	147.114	174.529	18,64%
2.3	Nợ quá hạn	1.749	1.824	4,34%
2.4	Nợ xấu	1.359	1.455	7,03%
2.5	Tỷ lệ nợ quá hạn / Tổng dư nợ cấp tín dụng	1,19%	1,05%	-0,14%
2.6	Tỷ lệ nợ xấu / Tổng dư nợ cấp tín dụng	0,92%	0,83%	-0,09%
2.7	Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn / Tổng số dư bảo lãnh	0,78%	1,11%	0,34%
3	**Khả năng thanh khoản[1]**			
3.1	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày VND	73,94%	69,63%	Tuân thủ mức quy định của NHNN
3.2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày ngoại tệ khác	60,32%	24,73%	
3.3	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	11,95%	13,83%	
3.4	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	72,85%	71,42%	
4	**Khả năng sinh lời**			
4.1	ROA (LNST/TTS bình quân)	0,64%	0,66%	0,02%
4.2	ROE (LNST/VCSH bình quân)	8,93%	9,48%	0,55%

(Nguồn: Tính toán từ số liệu trên BCTC hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK)

[1] *Số liệu riêng lẻ theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung)*

2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi Vốn chủ sở hữu

❖ Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2025

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
I	**Cổ đông trong nước**	**1.806**	**1.003.190.293**	**10.031.902.930.000**	**99,997%**
1	*Tổ chức*	*11*	*34.481.550*	*344.815.500.000*	*3,437%*
2	*Cá nhân*	*1.795*	*968.708.743*	*9.687.087.430.000*	*96,560%*
II	**Cổ đông nước ngoài**	**24**	**28.759**	**287.590.000**	**0,003%**
1	*Tổ chức*	*2*	*140*	*1.400.000*	*0,000%*
2	*Cá nhân*	*22*	*28.619*	*286.190.000*	*0,003%*
III	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**	**0%**
Tổng cộng		**1.830**	**1.003.219.052**	**10.032.190.520.000**	**100,00%**

❖ Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng

STT	Cổ phiếu	31/12/2024	31/12/2025
1	*Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành*	*895.933.642*	*1.003.219.052*
2	*Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng*	*895.933.642*	*1.003.219.052*
	Cổ phiếu phổ thông	895.933.642	1.003.219.052
	Cổ phiếu ưu đãi		
3	*Số lượng cổ phiếu được mua lại*		
4	*Số lượng cổ phiếu đang lưu hành*	*895.933.642*	*1.003.219.052*
	Cổ phiếu phổ thông	895.933.642	1.003.219.052
	Cổ phiếu ưu đãi		
5	*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)*	*10.000*	*10.000*

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK)

❖ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 8.959.336.420.000 đồng lên 10.032.190.520.000 đồng theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Ngân hàng phát hành thêm 107.285.410 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần thông qua hai hình thức:

- Phát hành 62.088.201 cổ phần phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối luỹ kế năm 2023 và
- Chào bán 45.197.209 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

❖ Các chứng khoán khác: Không có

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

2.6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

BAC A BANK luôn chú trọng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường gắn với hoạt động kinh doanh, trong đó tăng cường phổ biến và khuyến khích toàn thể cán bộ nhân viên thực hành tiết kiệm điện, nước, giấy và các nguồn tài nguyên khác. Ngân hàng đồng thời lồng ghép các tiêu chí môi trường trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư, không tài trợ đối với các dự án có nguy cơ gây tác động tiêu cực đến môi trường, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao trách nhiệm xã hội của Ngân hàng.

2.6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

Đối với công tác tiền lương, Ngân hàng đã hoàn thành việc tính lương tháng, các loại lương kinh doanh, thưởng và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động đảm bảo không có sai sót và đúng thời gian quy định. Hàng năm, bộ phận lương và chế độ phúc lợi của Ngân hàng đều thực hiện khảo sát tiền lương trên toàn hệ thống. Mức thu nhập bình quân năm 2025 của cán bộ nhân viên BAC A BANK là 23,56 triệu đồng/người/tháng.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng tổ chức cho cán bộ nhân viên khám sức khỏe định kỳ hàng năm, đồng thời triển khai chương trình Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho toàn bộ cán bộ nhân viên của BAC A BANK, chương trình phúc lợi này được cán bộ nhân viên Ngân hàng hưởng ứng đánh giá cao.

Đối với hoạt động đào tạo người lao động: Chi tiết xem tại mục 2.2.3. Cán bộ, nhân viên

2.6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Trong hành trình hơn ba thập kỷ, BAC A BANK không chỉ được biết đến như một ngân hàng tận tâm, bền bỉ đồng hành cùng các doanh nghiệp công nghệ cao, mà còn được nhắc đến với một tấm lòng rộng mở vì cộng đồng. Với triết lý "không tối đa hóa lợi nhuận, luôn hài hòa giữa lợi ích riêng và lợi ích chung của quốc gia", Ngân hàng đã lựa chọn cách phát triển khác biệt: lấy con người làm trung tâm, đặt trách nhiệm xã hội song hành cùng chiến lược kinh doanh. Năm 2025, BAC A BANK đã chi hơn 38 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội như: tài trợ giáo dục, y tế, ủng hộ người nghèo, khắc phục thiên tai, đền ơn đáp nghĩa và một số hoạt động khác.

Chính sự kiên định ấy đã giúp Ngân hàng nhiều lần được vinh danh, trong đó nổi bật là Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì "Có nhiều đóng góp xuất sắc trong công tác xã hội và cộng đồng" tại Hội nghị "80 năm doanh nghiệp đồng hành cùng đất nước" năm 2025 - một phần thưởng không chỉ ghi nhận thành tích mà còn khẳng định uy tín, trách nhiệm và bản lĩnh tiên phong của BAC A BANK.

❖ Tài trợ giáo dục

Về hoạt động giáo dục, Ngân hàng đã tài trợ khoảng 16,5 tỷ đồng cho lĩnh vực này trong năm 2025 để xây dựng cơ sở vật chất, trường tiểu học và hỗ trợ các công tác giáo dục khác cho các em học sinh thông qua Quỹ Vì Tầm Vóc Việt. Một số chương trình tài trợ giáo dục nổi bật trong năm 2025 có thể kể đến như:

Trong khuôn khổ chương trình "Điều ước cho em" do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức trong mười năm (2021 - 2031), năm 2025, BAC A BANK tiếp tục phối hợp cùng Tập đoàn TH thông qua Quỹ Vì Tầm Vóc Việt tài trợ dự án 1.000 nhà vệ sinh dành cho các trường học vùng sâu, vùng xa và khó khăn trên toàn quốc với giá trị khoảng 3 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong năm 2025, BAC A BANK đã trao tặng hàng ngàn suất học bổng và nhiều phần quà ý nghĩa cho cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hiếu học tại các trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Quảng Trị, Sơn La, Ninh Bình,... Đây là một trong những hoạt động thường niên thiết thực, thể hiện trách nhiệm xã hội của BAC A Bank, góp phần lan tỏa những giá trị nhân văn, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng giáo dục cho thế hệ tương lai.

❖ Hoạt động đền ơn đáp nghĩa và ủng hộ người nghèo

Tiếp nối truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, Hội sở chính và các Chi nhánh BAC A BANK trên khắp cả nước đã phối hợp cùng với các Cơ quan, Đoàn thể tổ chức kêu gọi quyên góp, ủng hộ hơn 8 tỷ đồng cho các hoạt động ủng hộ người nghèo, trong đó có một số chương trình nổi bật như:

Nhân dịp Tết Ất Tỵ 2025, BAC A BANK, Quỹ Vì Tầm Vóc Việt và Tập đoàn TH đã trao tặng 3 tỷ đồng (trong đó có 2 tỷ đồng tiền mặt và 1 tỷ đồng sản phẩm) trong Chương trình "Nghĩa tình dòng Lam - Xuân Ất Tỵ 2025" để hỗ trợ chăm lo Tết cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Nghệ An.

Chuỗi hoạt động nhằm mang "Tết ấm cho người nghèo" do các đơn vị dưới sự dẫn dắt của Anh hùng Lao động Thái Hương triển khai không chỉ dừng lại ở Nghệ An mà còn tại nhiều tỉnh thành khác trên cả nước, hướng tới những người dân có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em và các gia đình cần sự giúp đỡ như: tỉnh Lâm Đồng, Sơn La,... Đây là hoạt động thiện nguyện thường niên, khẳng định sứ mệnh vì cộng đồng và cam kết đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội của BAC A BANK.

Cũng trong năm 2025, Đại diện lãnh đạo Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Thanh Hóa và Quỹ Vì Tầm Vóc Việt đã trao tặng 20 căn nhà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã Đồng Lương và xã Định Hoà với tổng kinh phí 1,6 tỷ đồng. Đây là một phần trong hành trình sẻ chia đầy ý nghĩa của Ngân hàng TMCP Bắc Á cùng Quỹ Vì Tầm Vóc Việt nhằm giúp người dân nghèo có thêm điểm tựa vững chắc từ những ngôi nhà mới để ổn định cuộc sống, yên tâm lao động, sản xuất và từng bước xây dựng tương lai tốt đẹp hơn.

Ngoài ra, đối với các hoạt động ủng hộ người nghèo khác, Ngân hàng TMCP Bắc Á chủ yếu thực hiện tài trợ qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn Ngân hàng Nhà nước, Quỹ Vì Người Nghèo,…. Cùng với đó, để hưởng ứng phong trào tương thân tương ái, trong năm 2025, các Chi nhánh BAC A BANK cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động thăm hỏi, động viên trẻ em nghèo, làng trẻ mồ côi trên địa bàn các tỉnh.

❖ Hoạt động ủng hộ, từ thiện khác

Ngoài các hoạt động nêu trên, Ngân hàng Bắc Á và các Đơn vị trực thuộc vẫn luôn thường xuyên tham gia, hưởng ứng và tài trợ các chương trình có ý nghĩa theo lời kêu gọi của các Cơ quan, ban ngành, tổ chức thiện nguyện trên khắp cả nước thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao của BAC A BANK đối với cộng đồng, xã hội. Tổng số tiền Ngân hàng tài trợ cho các hoạt động an sinh xã hội khác trong năm 2025 là 13,5 tỷ đồng, trong đó có khoảng 7 tỷ đồng dùng để hỗ trợ đồng bào khắc phục hậu quả thiên tai.

Tháng 07/2025, BAC A BANK đồng hành cùng Tập đoàn TH thông qua Quỹ Vì Tầm Vóc Việt trao tặng 4 tỷ đồng để hỗ trợ khẩn cấp cho người dân khu vực miền Tây Nghệ An bị ảnh hưởng bởi mưa lũ. Khoản hỗ trợ bao gồm 3 tỷ đồng tiền mặt và 1 tỷ đồng sản phẩm thiết yếu, tiếp tục khẳng định cam kết của Ngân hàng trong việc đồng hành cùng cộng đồng trong ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh

❖ Tăng trưởng ổn định, an toàn, bền vững

Trong các năm vừa qua, tổng tài sản và các chỉ tiêu kinh doanh chính đều đạt mức tăng trưởng liên tục và ổn định. Từ năm 2021 đến 2025, tổng tài sản BAC A BANK đạt mức tăng trung bình là 10,99%/năm; tổng huy động vốn đạt mức tăng trung bình 11,21%/năm; dư nợ cho vay khách hàng tăng trung bình 9,79%/năm; lợi nhuận sau thuế đạt mức tăng trung bình là 15,36%/năm.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định, các chỉ số an toàn hoạt động vẫn luôn được đảm bảo và tuân thủ theo quy định hiện hành. Tại ngày 31/12/2025, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của Ngân hàng đạt 10,10% (quy định của NHNN là ≥8%), tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi là 71,42% (quy định của NHNN là ≤85%), tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng là 1,15%, tỷ lệ dự trữ thanh khoản là 13,83% (quy định của NHNN là ≥10%).

❖ Tiếp tục phát triển theo đúng định hướng chiến lược đã đặt ra là một ngân hàng ưu tiên cấp tín dụng cho các khách hàng trong các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục

Trong năm 2025, BAC A BANK tiếp tục kiên định với định hướng chiến lược đã đề ra, tập trung phát triển trở thành ngân hàng cung cấp tín dụng hiệu quả cho các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội. Các lĩnh vực trọng tâm bao gồm nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục - những ngành có vai trò nền tảng trong phát triển kinh tế bền vững và nâng cao chất lượng đời sống người dân.

Ngân hàng chủ động xây dựng các chính sách tín dụng phù hợp, ưu tiên nguồn vốn cho các dự án có tính lan tỏa, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường và tạo ra giá trị gia tăng lâu dài cho xã hội. Đồng thời, BAC A BANK không ngừng nâng cao chất lượng thẩm định, quản trị rủi ro nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và an toàn hệ thống.

Trong cơ cấu tín dụng, Ngân hàng dành tỷ trọng cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, y tế và giáo dục ở mức khoảng 40% - 50% tổng dư nợ cho vay khách hàng. Kết quả này thể hiện sự nhất quán trong định hướng phát triển, đồng thời khẳng định vai trò của BAC A BANK trong việc đồng hành cùng các ngành kinh tế thiết yếu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng bền vững và đảm bảo an sinh xã hội.

❖ Phát triển mạng lưới rộng khắp

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK là 194 điểm trên địa bàn 30 tỉnh/ thành phố với 01 Hội sở chính, 59 Chi nhánh và 134 Phòng giao dịch.

Năm 2026, Ngân hàng định hướng tiếp tục phát triển và mở rộng mạng lưới hoạt động theo lộ trình phù hợp với năng lực tài chính và điều kiện thực tế. Việc mở rộng sẽ được triển khai trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

❖ Không ngừng sáng tạo, cải thiện và nâng cao sản phẩm dịch vụ

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như của nền kinh tế, Ngân hàng luôn cải tiến không ngừng chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ; trong đó, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại như: dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối, đầu tư, quản lý tài sản, quản lý rủi ro cho khách hàng và các dịch vụ khác.

Trong các năm gần đây, Ngân hàng đã giới thiệu đến khách hàng hàng loạt các sản phẩm, dịch vụ hấp dẫn, phục vụ các nhu cầu tài chính thiết yếu.

- **Các sản phẩm tín dụng mới linh hoạt, đa dạng**

Nắm bắt được nhu cầu của thị trường, BAC A BANK tiếp tục cung cấp nhiều sản phẩm cho vay đa dạng, phù hợp với từng nhu cầu của khách hàng.

Các sản phẩm tín dụng cho khách hàng cá nhân như: Cho vay sản xuất nông nghiệp trồng rau, hoa, quả; Cho vay bổ sung vốn kinh doanh; Cho vay xây sửa nhà; Cho vay mua bất động sản đã có giấy chứng nhận chủ quyền; Cho vay mua bất động sản tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở; Cho vay cầm cố sổ tiết kiệm; Cho vay mua ô tô…;

Các sản phẩm tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp như: Cho vay mua ô tô, Cho vay bổ sung vốn lưu động, Cho vay Doanh nghiệp ngành Dược phẩm, thiết bị & vật tư y tế; Cho vay Trọn gói đối với dự án; Cho vay sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; Cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ…

Trong năm 2025, Ngân hàng đã triển khai thêm các sản phẩm, chương trình tín dụng đa dạng nhằm hỗ trợ tối đa cho nhu cầu vay vốn của khách hàng, cụ thể:

- Đón chào Tết Ất Tỵ 2025, Ngân hàng TMCP Bắc Á dành tặng Khách hàng doanh nghiệp (KHDN) mức lãi suất hấp dẫn trong khuôn khổ Chương trình "Vui đón xuân sang - Rộn ràng ưu đãi", nhằm hỗ trợ doanh nghiệp bổ sung vốn lưu động phục vụ đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh trong dịp Tết Nguyên đán.

- Đầu tháng 03/2025, Ngân hàng triển khai Chương trình cho vay liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp vùng đồng bằng sông Cửu Long dành cho khách hàng cá nhân với hạn mức giải ngân 200 tỷ đồng.

- Tháng 07/2025, đáp lại sự quan tâm đặc biệt từ khách hàng cá nhân đối với các gói vay vốn lãi suất cạnh tranh, BAC A BANK triển khai Chương trình tín dụng "Vay ưu đãi - Lãi linh hoạt 2025" đến hết Quý 2/2026 với mục tiêu mở rộng cơ hội tiếp cận nguồn vốn "giá tốt", hỗ trợ khách hàng hiện thực hóa các kế hoạch tiêu dùng, mua sắm và đầu tư kinh doanh - đáp ứng kịp thời nhu cầu tài chính ngày càng gia tăng.

- Tháng 11/2025, trước những tổn thất nghiêm trọng do bão lũ gây ra từ đầu năm 2025 tới nay, Ngân hàng chính thức triển khai chương trình hỗ trợ tài chính dành cho Khách hàng cá nhân và Khách hàng doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thiên tai bão lũ với mong muốn giúp bà con và doanh nghiệp nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống. Chương trình với hạn mức 3.000 tỷ đồng và ưu đãi lãi suất giảm tối đa 1%/năm so với quy định hoặc chương trình ưu đãi hiện hành của BAC A BANK.

- **Các sản phẩm tiết kiệm**

BAC A BANK thường xuyên chú trọng đổi mới và hoàn thiện các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm nhằm phát triển quy mô Huy động vốn tại Ngân hàng. Tại ngày 31/12/2025, Huy động vốn thị trường 1 của BAC A BANK đạt mức 133.924 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 75,08% trên tổng huy động vốn.

Năm 2025, BAC A BANK tiếp tục triển khai hiệu quả các sản phẩm: "Tiết kiệm lực lượng vũ trang", "Tiết kiệm người cao tuổi", "Tiết kiệm Người xây tổ ấm", "Tiết kiệm sinh lợi mỗi ngày" và "Tiền gửi trực tuyến" đã góp phần giúp Huy động vốn thị trường 1 tăng trưởng 5,06% so với năm 2024.

- **Các chương trình tri ân khách hàng, khuyến mại hấp dẫn**

Với phương châm luôn đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, BAC A BANK không ngừng cung cấp những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng bằng giá trị gia tăng vượt trội.

Trong năm 2025, Ngân hàng đã triển khai hàng loạt các Chương trình khuyến mại hấp dẫn, cạnh tranh như: Chương trình Lì xì mừng Tết Ất Tỵ 2025 với hàng ngàn bao lì xì may mắn dành tặng khách hàng trong ngày làm việc đầu tiên của năm Ất Tỵ; Chương trình tri ân Khách hàng VIP nữ nhân dịp Quốc tế

phụ nữ 2025; Chương trình ưu đãi "Phí siêu sốc - Tăng tốc kinh doanh" được gia hạn đến hết năm 2025 nhằm tiếp tục mang đến các đặc quyền vượt trội về phí dịch vụ cho doanh nghiệp;

Chương trình "Mùa trăng vẹn tròn - Trao gửi tâm ý" tri ân Khách hàng VIP gửi tiền tại BAC A BANK và các chương trình ưu đãi liên quan đến thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng BAC A BANK như: Chạm liền tay - Deal mê say tại Family Mart; Chạm liền tay - Deal mê say tại Aeonmall, Chạm thẻ quyền năng - Săn trọn ưu đãi tại các cửa hàng TH truemart, ưu đãi hoàn tiền cho khách hàng mở mới thẻ tín dụng và miễn phí thường niên 03 năm,…

Ngoài ra, BAC A BANK cũng đã liên kết với các đối tác cung cấp dịch vụ và mua sắm, thường xuyên triển khai các ưu đãi dành riêng cho các khách hàng là chủ thẻ của BAC A BANK như: Viettel, MobiFone, Vinaphone, Momo, VNpay, FPT, Airpay, QRPay, Lazada, Adayroi, Vietnam Airlines, Bamboo Airway, CGV Vietnam, BHD Star Cineplex, Xanh SM…

❖ **Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp**

Nhằm khuyến khích phong trào thi đua nội bộ và thúc đẩy doanh số hoạt động, BAC A BANK đã triển khai hàng loạt các chương trình thi đua trong năm 2025 như: "Siêu bảo lãnh - Thưởng siêu cấp"; "Phát hành thẻ ngay - Thưởng lớn về tay", chương trình thi đua sản phẩm cho vay thông thường "Tăng ròng thần tốc - Cán mốc vinh quang"; chương trình thi đua phát triển Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ "Chiến binh Active"; chương trình thi đua tăng trưởng khách hàng "Đường đua giới thiệu - Tiền triệu về tay"; chương trình nội bộ cung ứng sản phẩm ngoại hối "Tăng nhanh doanh số - Dẫn đầu thi đua", "Ngoại tệ chuyển ngay - Nhanh tay nhận thưởng",…

Cũng trong năm 2025, BAC A BANK đã triển khai chuỗi các chương trình thi đua nội bộ của mô hình hợp tác kinh doanh Ngân hàng - Bảo hiểm như: Bảo an tài chính: Tối ưu chi phí - Bảo vệ toàn diện; Khám phá châu Á cùng Dai-ichi; "Du ngoạn châu Á cùng MBAL; "Khởi động hăng say cùng Dai-ichi" ; "Khai niên phát tài cùng MBAL"; "Bán chéo siêu tốc - Đón lốc giải thưởng"; "Chiến binh VBI Care"…nhằm hỗ trợ các đơn vị kinh doanh hoàn thành, vượt chỉ tiêu thu phí bảo hiểm và thúc đẩy công tác thu phí chung của toàn hàng năm 2025.

❖ **Những tiến bộ mà BAC A BANK đã đạt được trong năm 2025**

Trong năm 2025, BAC A BANK ghi nhận nhiều kết quả tích cực trong phát triển ngân hàng số, hạ tầng công nghệ và sản phẩm dịch vụ, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và trải nghiệm khách hàng.

Ngân hàng đã nâng cấp hệ thống Kiosk Banking, triển khai các hạng mục của dự án ngân hàng số Alpha Bank theo đúng lộ trình, đồng thời thực hiện hiệu quả các dự án trọng điểm như Ebank 2025, CRM, chuyển đổi hạ tầng ngân hàng điện tử, nâng cấp dịch vụ chuyển khoản nhanh 24/7 theo tiêu chuẩn mới, triển khai xác thực khách hàng doanh nghiệp và mở rộng kết nối với các đối tác như Payoo, VNPay, VBI; đồng thời đề xuất các giải pháp chuyển đổi số và tự động hóa hoạt động tín dụng.

Bên cạnh đó, BAC A BANK đã xây dựng và triển khai hệ thống bảo mật tiên tiến, nâng cao năng lực an toàn thông tin, đồng thời đầu tư mở rộng hệ thống máy chủ và lưu trữ dữ liệu phù hợp với định hướng phát triển đến năm 2030.

Ngân hàng được Mastercard vinh danh với giải thưởng "Nhà vô địch tăng trưởng thanh toán xuyên biên giới 2025"; Dự án thẻ phi vật lý đã hoàn thành thử nghiệm và dự kiến triển khai chính thức từ năm 2026; đồng thời phát triển thẻ tín dụng quốc tế Mastercard dành cho khách hàng doanh nghiệp. Đặc biệt, Fitch Ratings lần đầu xếp hạng tín nhiệm BAC A BANK ở mức "B+", triển vọng "Ổn định", khẳng định năng lực tài chính, quản trị rủi ro và tạo nền tảng thuận lợi cho mở rộng hợp tác, nâng cao uy tín và niềm tin của nhà đầu tư.

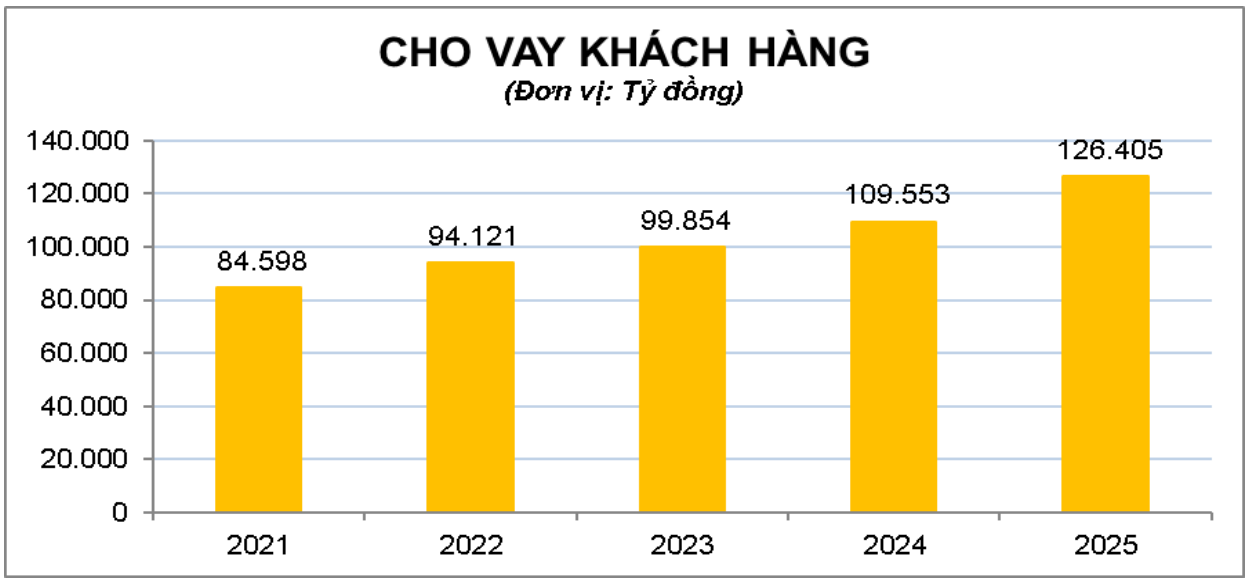
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật

3.2.1. Tình hình tài sản

Trong cơ cấu tài sản Ngân hàng, khoản mục cho vay khách hàng và các khoản mục đầu tư luôn chiếm tỷ trọng cao trong bảng tổng tài sản. Trong năm 2025, các khoản mục tài sản của Ngân hàng tăng trưởng ổn định và đi kèm với đó là chất lượng tài sản được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định.

❖ **Tăng trưởng tín dụng cao và ổn định với cơ cấu hợp lý, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng**

Trong suốt những năm qua, BAC A BANK luôn kiên định con đường hướng tới các khách hàng ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp nông thôn và các ngành phụ trợ, mang tính an sinh xã hội nhằm tạo ra các giá trị cốt lõi và bền vững. Với đường lối đó, Ngân hàng đã ưu tiên nguồn vốn tín dụng dành cho các doanh nghiệp, dự án nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng như bệnh viện, trường học, sản xuất dược liệu và sữa tươi sạch…



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK các năm từ 2021 đến 2025)

Trong giai đoạn vừa qua, tổng dư nợ cho vay khách hàng của BAC A BANK liên tục tăng trưởng. Năm 2025, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 126.405 tỷ đồng, tăng 16.852 tỷ đồng, tương ứng tăng 15,38% so với năm 2024. Trong đó, Ngân hàng ưu tiên nguồn vốn cấp tín dụng cho các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế như lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, y tế và giáo dục; hạn chế cho vay các lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Mặc khác, Ngân hàng chú trọng duy trì sự cân đối giữa cho vay và huy động về cả quy mô, kỳ hạn và loại tiền, đảm bảo sự an toàn, giảm thiểu rủi ro trong việc sử dụng nguồn vốn. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn của Ngân hàng luôn bám sát chiến lược theo từng thời kì, đảm bảo cân đối về kỳ hạn với nguồn vốn huy động, từ đó góp phần quản lý thanh khoản hiệu quả và giảm thiểu rủi ro về lãi suất. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi luôn đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN (tại 31/12/2025, tỷ lệ này là 71,42%).

Cùng với sự tăng trưởng bền vững của hoạt động tín dụng theo định hướng đã đề ra, việc nâng cao chất lượng tín dụng cũng luôn được BAC A BANK coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Ngân hàng luôn thực hiện việc kiểm soát chính sách tín dụng một cách chặt chẽ và thận trọng. Công tác rà soát, phân loại nợ và trích lập dự phòng đầy đủ theo đúng các quy định hiện hành của NHNN luôn được thực hiện nghiêm túc. Tại thời điểm cuối năm 2025, tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng của Ngân hàng là 1,15% tổng dư nợ cho vay khách hàng.

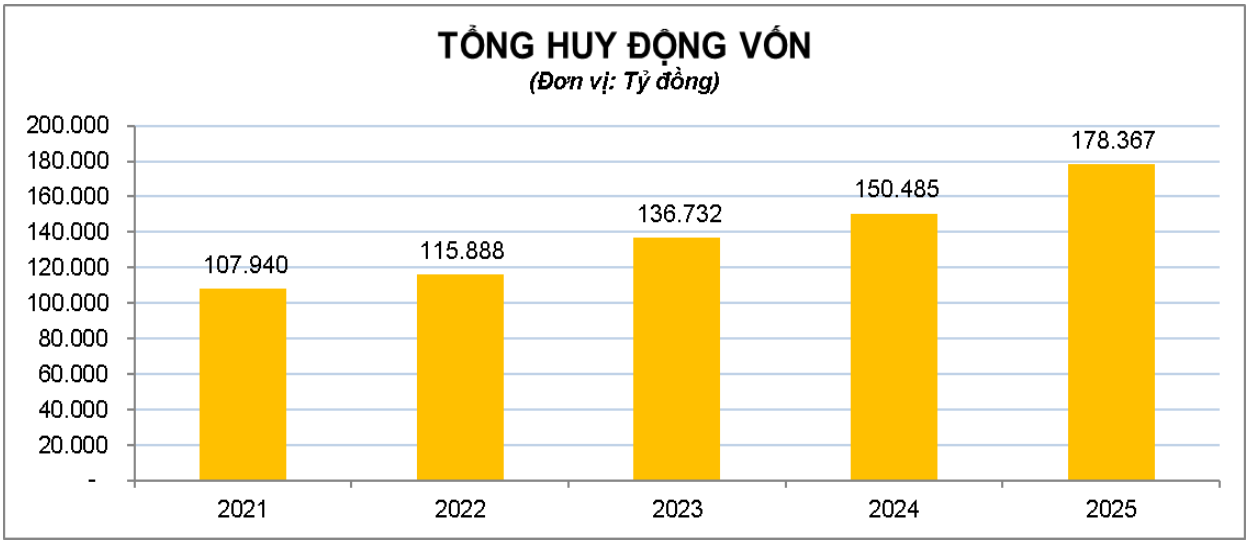
❖ **Ngân hàng thực hiện đầu tư linh hoạt, hiệu quả**

Nhằm tối ưu hóa nguồn vốn khả dụng, đồng thời giảm dần phụ thuộc thu nhập từ tín dụng, Ngân hàng đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư và góp vốn một cách linh hoạt, hiệu quả và luôn duy trì tỷ trọng đầu tư hợp lý trong tổng tài sản. Trong đó, chủ yếu là đầu tư chứng chỉ tiền gửi với ưu điểm ít rủi ro và có tính thanh khoản tốt với mức sinh lời hợp lý. Ngân hàng chủ trương không chú trọng đầu tư cổ phiếu. Với nguồn vốn khả dụng dồi dào trong khi tăng trưởng tín dụng thận trọng thì việc đầu tư vào trái phiếu là tối ưu, vừa đảm bảo khả năng sinh lời, vừa đảm bảo tính thanh khoản cao cho Ngân hàng; đồng thời, cũng góp phần làm giảm sự phụ thuộc thu nhập vào hoạt động tín dụng.

3.2.2. Tình hình nợ phải trả

❖ **Huy động vốn từng bước tăng trưởng bền vững**

Huy động vốn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu xuyên suốt trong quá trình hoạt động của Ngân hàng, bởi đây là nguồn vốn khả dụng chủ yếu cho các hoạt động tín dụng và đầu tư. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, Ngân hàng đã triển khai các Chương trình khuyến mại hấp dẫn, không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi phù hợp với từng phân khúc khách hàng, đồng thời đẩy mạnh công tác thương hiệu nhằm thu hút khách hàng.



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK các năm từ 2021 đến 2025)

Năm 2025, tổng huy động vốn của Ngân hàng đạt 178.367 tỷ đồng, tăng trưởng 18,53% so với năm 2024. Trong đó, huy động vốn thị trường 1 là 133.924 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 75,08% trên tổng huy động vốn. Huy động từ thị trường 2 tại thời điểm 31/12/2025 là 44.443 tỷ đồng, chỉ chiếm tỷ trọng 24,92% tổng huy động vốn. Với cơ cấu này, Ngân hàng hoàn toàn chủ động về nguồn vốn khả dụng, không bị phụ thuộc vào thị trường 2 và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Đạt được kết quả tích cực trong công tác huy động vốn có sự đóng góp không nhỏ của hệ thống nhận diện thương hiệu mới của Ngân hàng đã tạo được dấu ấn tốt và niềm tin cho khách hàng. Sau thời gian tự tái cấu trúc chuyển đổi sang mô hình hoạt động mới của một ngân hàng thương mại hiện đại, đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm mới nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn, tính chuyên nghiệp hóa trong hoạt động của Ngân hàng đã được nâng cao và đã tạo được ấn tượng tốt với các khách hàng đến giao dịch tại Ngân hàng.

Trong thời gian qua, Ngân hàng phát triển các dịch vụ, tiện ích phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; bên cạnh đó, không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, tăng cường khuyến mãi, quà tặng tri ân khách hàng thân thiết nhằm tạo mối quan hệ gắn bó. Công tác đào tạo cán bộ chăm sóc khách hàng cũng luôn chú trọng để đảm bảo chất lượng cán bộ được đào tạo chuyên sâu và chuyên nghiệp.

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2025, BAC A BANK tiếp tục rà soát và điều chỉnh cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả vận hành và tăng cường phối hợp giữa các đơn vị, qua đó góp phần nâng cao chất lượng quản trị, điều hành và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Trên cơ sở đó, Ngân hàng đã chủ động rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ theo hướng cập nhật kịp thời các quy định mới của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn liên quan. Việc hoàn thiện chính sách được triển khai theo hướng đơn giản hóa quy trình, nâng cao khả năng phản ứng chính sách, phù hợp với thực tiễn hoạt động, qua đó góp phần rút ngắn thời gian xử lý, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ; đồng thời đảm bảo phù hợp với khung quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng rà soát, cập nhật chính sách tín dụng, ban hành Sổ tay tín dụng nhằm hệ thống hóa các quy định hiện hành, góp phần giảm thiểu rủi ro nghiệp vụ. Hệ thống chính sách quản lý rủi ro tiếp tục được hoàn thiện, bao gồm rủi ro hoạt động, phòng chống rửa tiền, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và rủi ro tập trung trong hoạt động tự doanh.

BAC A BANK đã triển khai dự án hệ thống quản lý rủi ro thị trường, hoàn thiện các điều kiện để nghiệm thu và đưa vào vận hành. Đồng thời, Ngân hàng chủ động nghiên cứu, đánh giá tác động và rà soát các yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn (CAR) cũng như các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo Thông tư 14/2025/TT-NHNN, từng bước triển khai các giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo tuân thủ và sẵn sàng đáp ứng lộ trình áp dụng quy định.

3.4. Kế hoạch phát triển

Với mục tiêu sẽ trở thành một ngân hàng đa năng có quy mô vừa, kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng hoạt động cho vay các khách hàng trong lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... BAC A BANK sẽ thúc đẩy toàn diện mọi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

Các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2026 là:

(1) - Về công tác huy động vốn: Tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế, khuyến khích tăng trưởng nguồn vốn giá rẻ để duy trì ổn định nguồn vốn và nâng cao hiệu quả kinh doanh; Thực hiện các giải pháp để tăng quy mô và tăng huy động kỳ hạn dài, tăng tỷ trọng huy động vốn TCKT, từng bước giảm dần giá vốn; Xây dựng gói chính sách ưu đãi, hấp dẫn song song với việc xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng VIP, tiến hành phân lớp khách hàng chi tiết hơn để thúc đẩy huy động vốn trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

(2) - Về hoạt động cho vay: Đa dạng hóa danh mục cho vay; Mở rộng các sản phẩm tín dụng chuyên biệt cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Ưu tiên cấp tín dụng cho các dự án, ngành nghề áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, các lĩnh vực sản xuất chế biến, công nghệ phụ trợ, y tế, giáo dục, dược liệu sạch, các dự án mang tính phát triển bền vững, tạo ảnh hưởng tích cực đối với môi trường và tạo sinh kế cho người dân địa phương.

(3) - Về công tác xử lý nợ xấu: Tăng cường giám sát hoạt động cho vay để đảm bảo chất lượng tín dụng, đôn đốc thu hồi nợ, đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu, hỗ trợ tín dụng; Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu, duy trì tỷ lệ nợ xấu theo kế hoạch đề ra, trích lập dự phòng rủi ro đủ theo quy định.

(4) - Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nội bộ hiện có, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài để bổ sung nhân sự cho hoạt động kinh doanh của

các đơn vị. Tiếp tục rà soát xây dựng, bổ sung đầy đủ và hoàn thiện các chính sách nhân sự, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyển dụng.

(5) - Về hoạt động dịch vụ: Thúc đẩy hoạt động dịch vụ, tăng tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập thuần. Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ tầng công nghệ. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Ngân hàng số, gia tăng các tiện ích, dịch vụ trên nền tảng số giúp tăng hiệu suất và cải thiện chất lượng hoạt động, tăng trải nghiệm gắn kết khách hàng với các hoạt động của Ngân hàng nhằm nhanh chóng thu hút và phát triển cơ sở khách hàng theo định hướng đề ra; đồng thời tuân thủ định hướng, tiêu chuẩn, quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước trong tiến trình chuyển đổi số.

(6) - Quản lý chi phí: Tiếp tục đẩy mạnh quản lý chi phí hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị trên toàn hệ thống. Tăng cường quản lý chi phí thường xuyên, giám sát thực hiện các quy định thu chi nội bộ, tổng hợp đánh giá hiệu quả quản lý chi phí toàn ngân hàng và từng đơn vị kinh doanh.

(7) - Phát triển mạng lưới: Khẩn trương hoàn thành xây dựng cải tạo địa điểm, chuẩn bị cơ sở vật chất và tuyển dụng nhân sự để đưa các Chi nhánh, Phòng giao dịch đã được cấp phép đi vào hoạt động sớm. Tiếp tục tìm kiếm, khảo sát khả năng mở rộng mạng lưới tại các địa bàn tiềm năng, hoàn thành các thủ tục xin cấp phép theo kế hoạch đề ra.

(8) - Công nghệ thông tin: Tiếp tục đầu tư để phát triển hệ thống công nghệ thông tin, duy trì hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, bảo mật; Cải tiến các tính năng hiện có để nâng cao tính tiện dụng các nghiệp vụ hiện tại, đầu tư bổ sung các tính năng mới để đáp ứng tốc độ phát triển của ngân hàng; Xây dựng lộ trình cải tiến công nghệ phù hợp với xu thế phát triển công nghệ hiện nay.

(9) - Quản trị rủi ro: Nâng cao công tác quản trị rủi ro, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ để ngăn ngừa, cảnh báo rủi ro, phát hiện kịp thời các sai phạm về hoạt động kinh doanh. Tham gia quá trình kiểm soát rủi ro đối với từng sản phẩm, từng quy trình, quy chế hoạt động vận hành tác nghiệp; Lập kế hoạch kiểm tra, kiểm toán nội bộ trong năm và triển khai thực hiện, chú trọng vào những đơn vị, những mảng nghiệp vụ có đánh giá mức độ rủi ro cao; Xử lý nghiêm các sai phạm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

(10) - Truyền thông quảng bá thương hiệu: Thực hiện tốt công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu, công tác xã hội, thiện nguyện, tham gia các giải thưởng bình chọn của một số tổ chức uy tín trong nước và quốc tế nhằm tiếp tục nâng cao hình ảnh, uy tín, vị thế thương hiệu BAC A BANK trên thị trường.

3.5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính của BAC A BANK.

3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Chi tiết xem tại Mục 2.6: Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK

Năm 2025, nền kinh tế thế giới chứng kiến nhiều sự kiện kinh tế – chính trị – xã hội nổi bật cùng với sự gia tăng căng thẳng trong quan hệ hai cường quốc số một thế giới Mỹ và Trung Quốc. Cuộc chiến thuế quan kéo dài; xung đột vũ trang nổ ra ở Nga – Ukraine, Trung Đông; rủi ro xung đột tiềm tàng ở Nam Mỹ và châu Á – Thái Bình Dương; cùng với đó là biến đổi khí hậu và thiên tai, tất cả những yếu tố trên đã tác động tiêu cực đến sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới.

Ở trong nước, nền kinh tế chịu tác động kép từ các yếu tố bất lợi bên ngoài và những vấn đề nội tại. Thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất và đời sống người dân. Trong bối cảnh đó, Chính phủ đã kiên định mục tiêu ổn định, chủ động điều hành linh hoạt các chính sách kinh tế, qua đó, hạn chế tối đa tác động tiêu cực từ bên ngoài. Các thị trường cơ bản như tiền tệ, ngoại hối, tín dụng và hàng hóa vận hành tương đối thông suốt, không để xảy ra biến động lớn, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh và củng cố niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân.

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, BAC A BANK tiếp tục bám sát chiến lược phát triển và các mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng Quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành và toàn hệ thống phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn, tồn tại và nỗ lực hoàn thành những kết quả quan trọng như sau:

- ***Hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2025***

Toàn hệ thống BAC A BANK đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025; trong đó, một số chỉ tiêu hoàn thành vượt kế hoạch và đạt cao nhất so với các năm trước đây gồm: Dư nợ cho vay khách hàng đạt 126.405 tỷ đồng, vượt 4.473 tỷ đồng so với kế hoạch kinh doanh. Huy động vốn thị trường 1 đạt 133.924 tỷ đồng, tăng 5,06% so với năm 2024; Lợi nhuận trước thuế đạt 1.474 tỷ đồng, vượt 174 tỷ đồng, tương ứng với hoàn thành hơn 113% so với mức kế hoạch đặt ra.

Bên cạnh đó, BAC A BANK luôn tuân thủ các chỉ tiêu liên quan an toàn trong hoạt động theo quy định của NHNN. Các chỉ số về hiệu quả kinh doanh (ROE, ROA) của Ngân hàng nằm trong nhóm ngân hàng TMCP có chỉ số ổn định.

- ***Hoàn thành thực hiện Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025***

Ngày 13/10/2023, BAC A BANK chỉnh sửa và ban hành lại Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025 theo yêu cầu của NHNN; theo đó, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nội dung trong Phương án cơ cấu lại để đạt mục tiêu trở thành một ngân hàng có quy mô vừa, tăng trưởng lành mạnh, chất lượng và hiệu quả cao, tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực tài chính, năng lực công nghệ, năng lực cạnh tranh… Đến cuối năm 2025, Ngân hàng đã cơ bản hoàn thành các nội dung mục tiêu, kế hoạch đã đề ra cho năm 2025 theo lộ trình thực hiện của Phương án.

- ***Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động, bổ sung củng cố bộ máy tổ chức nhân sự***

Đến 31/12/2025, BAC A BANK có mạng lưới 194 điểm giao dịch tại 30 tỉnh thành trên toàn quốc với đội ngũ cán bộ nhân viên 4.284 người, cơ cấu tổ chức bộ máy được củng cố, nâng cấp, sắp xếp lại phù hợp.

Trong năm 2025, BAC A BANK được Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cấp phép và đã hoàn thành mở rộng mạng lưới hoạt động thêm 07 Phòng giao dịch tại địa bàn các tỉnh/thành cả nước là Hà Nội, Phú Thọ, Hải Phòng, Ninh Bình, Đắk Lắk.

- ***Tiếp tục chú trọng các hoạt động liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội***

Chi tiết xem tại Mục 2.6: Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

- ***Các giải thưởng được trao tặng***

Năm 2025, Lãnh đạo, các cá nhân và tập thể Ngân hàng tiếp tục nhận được nhiều giải thưởng có uy tín. Bà Thái Hương - Tổng Giám Đốc BAC A BANK được vinh danh là "Nhà lãnh đạo xuất sắc trong phát triển bền vững toàn cầu 2025"; "Nhà lãnh đạo xuất sắc Asean 2025"; "Doanh nhân xuất sắc ASEAN 2025"; "Doanh nhân Phát triển bền vững"; Ban Tuyên giáo Trung ương và Đài Truyền hình Việt Nam trao tặng giải thưởng tôn vinh cống hiến, sáng tạo của đội ngũ trí thức nước nhà suốt chiều dài lịch sử…

Các cá nhân được Thống đốc Ngân hàng nhà nước trao tặng giải thưởng vì "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2023-2024". Bên cạnh đó, BAC A BANK đã vinh dự được Chủ tịch UBND Tỉnh Nghệ An trao tặng bằng khen vì "Đã có thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác ủng hộ, khắc phục hậu quả các cơn bão xảy ra trên địa bàn tỉnh Nghệ An"; Thủ tướng Chính phủ trao tặng bằng khen "Có nhiều đóng góp xuất sắc trong công tác xã hội và cộng đồng" cùng nhiều giải thưởng cao quý khác của các tổ chức trong nước và quốc tế.

4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc và sát sao việc giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị, điều hành Ngân hàng. Đồng thời chỉ đạo, phối hợp với Ban Điều hành để triển khai các nhiệm vụ, định hướng mà Đại hội đồng cổ đông đã giao cho.

Hội đồng Quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát thường xuyên đối với Ban Điều hành qua các cuộc họp định kỳ. Tổng Giám đốc tham dự đầy đủ các buổi họp, báo cáo tình hình mọi mặt hoạt động của Ngân hàng cũng như các kế hoạch sắp tới. Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc cũng đưa ra nhiều ý kiến xây dựng quan trọng, đề xuất các kế hoạch trình Hội đồng Quản trị. Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đưa ra các quyết định kịp thời hoặc phân cấp, phân quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện, triển khai thực hiện.

Năm 2025, trước những thách thức, khó khăn riêng của nền kinh tế thế giới nói chung, cạnh tranh ngày càng cao trong ngành ngân hàng, Ban Điều hành đã tiếp tục chỉ đạo điều hành sát sao, quyết liệt trên cơ sở bám sát các định hướng của Hội đồng Quản trị cũng như bám sát các mục tiêu chiến lược trung, dài hạn và các mục tiêu cụ thể cho năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng 4.0 đang diễn ra một cách mạnh mẽ, Ngân hàng đứng trước những cơ hội cũng như thách thức mới. Công nghệ đang dần ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách vận hành ngân hàng và công tác quản trị nguồn nhân lực cũng như ngày càng liên quan mật thiết đến cách thức ngân hàng kết nối với khách hàng. Nắm bắt xu hướng đó, Ngân hàng cũng đã tập trung, nghiêm túc đầu tư cho quá trình chuyển đổi số với việc triển khai dự án Ngân hàng số Alpha Bank. Nhìn về tương lai, chuyển đổi số còn là định hướng mà BAC A BANK kiên định theo đuổi: đổi mới mô hình quản trị, ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời mang lại giá trị bền vững cho khách hàng.

BAC A BANK tiếp tục phát huy thế mạnh cho vay đối với các lớp khách hàng phát triển chuyên sâu và bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với những sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng, phù hợp với xu hướng thị trường; phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo sát sao Ban Điều hành và toàn hệ thống nỗ lực tối đa triển khai các giải pháp thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026. Các nội dung cơ bản trong chỉ đạo điều hành của Hội đồng Quản trị gồm:

- ***Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành, củng cố tổ chức, nhân sự:*** Nâng cao điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản trị, kinh nghiệm công tác và trình độ chuyên môn đối với đội ngũ lãnh đạo chủ chốt. Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ nhân viên để nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực hiện có, hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, xây dựng các chính sách đãi ngộ và tạo môi trường làm việc thuận lợi để cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đề cao vai trò của thành viên độc lập Hội đồng quản trị, đảm bảo tính độc lập trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính, tăng vốn điều lệ, nâng cao tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu.

- ***Thúc đẩy hoạt động tín dụng tăng trưởng lành mạnh, an toàn, chất lượng và hiệu quả:*** Mở rộng, phát triển và tìm kiếm các khách hàng lớn có uy tín, thương hiệu, năng lực tài chính tốt; định hướng ưu tiên cho vay nông nghiệp nông thôn, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tín dụng cá nhân, các sản phẩm đặc thù tại từng địa bàn hoạt động của BAC A BANK. Hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng kinh tế… theo chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

Kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng trong năm 2026 phù hợp với chỉ tiêu cả năm 2026 do NHNN đã thông báo, chỉ đạo cho BAC A BANK và đảm bảo việc tăng trưởng tín dụng phù hợp với khả năng cân đối vốn và tình hình thanh khoản của BAC A BANK.

- ***Thực hiện quyết liệt các giải pháp để nâng cao chất lượng tín dụng***: Phòng ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh; thường xuyên đánh giá nợ xấu, đảm bảo khách quan, trung thực và phản ánh đúng thực trạng chất lượng tín dụng của Ngân hàng.

- ***Cân đối nguồn vốn huy động thị trường 1 phù hợp với tình hình sử dụng vốn:*** Ưu tiên tăng trưởng nguồn huy động kỳ hạn dài, nguồn vốn giá rẻ để duy trì ổn định nguồn vốn và đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Thúc đẩy hoạt động dịch vụ, tăng tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập thuần.

- ***Tăng cường công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ:*** Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản trị phù hợp với các chuẩn mực hiện nay, tăng cường công tác quản trị rủi ro, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ; phát huy vai trò của kiểm toán nội bộ và bộ phận giám sát tuân thủ trong quản trị rủi ro, nhằm kịp thời phát hiện, cảnh báo, ngăn ngừa rủi ro và khắc phục tồn tại, góp phần đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả. Đồng thời, triển khai thực hiện Thông tư 83/2025/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ theo đúng quy định

- ***Phát triển công nghệ thông tin và đầu tư hạ tầng kỹ thuật:*** Tiếp tục đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu về phát triển và công tác quản trị của Ngân hàng. Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, bảo mật trong hoạt động ngân hàng điện tử và thanh toán trực tuyến theo quy định pháp luật và chỉ đạo của NHNN. Đồng thời, rà soát và thực hiện đầy đủ các phương án bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu; áp dụng các công nghệ, tiêu chuẩn tiên tiến trong và ngoài nước. Đảm bảo an toàn thông tin được tích hợp ngay từ khâu thiết kế đối với các hệ thống, nền tảng và ứng dụng số mới.

- ***Đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ:*** Đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ để giảm phụ thuộc tín dụng; đẩy mạnh Ngân hàng số, tăng tiện ích nhằm nâng cao hiệu quả, cải thiện trải nghiệm và mở rộng khách hàng, đồng thời tuân thủ quy định đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Ngân hàng Nhà nước trong quá trình chuyển đổi số. Xây dựng/cập nhật/lồng ghép các nhiệm vụ và đẩy mạnh triển khai Kế hoạch/Chiến lược chuyển đổi số phù hợp Chiến lược chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2030; Chiến lược dữ liệu ngành ngân hàng đến năm 2030 và định hướng phát triển, nguồn lực, khả năng của Ngân hàng.

- ***Hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ:*** Tiếp tục hoàn thiện, rà soát lại hệ thống các văn bản nội bộ và sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với thực tiễn hoạt động và các văn bản hướng dẫn Luật Các tổ chức tín dụng 2024, quy định mới của pháp luật.

- ***Tăng cường tính minh bạch:*** Tiếp tục nâng cao tính công khai, minh bạch hóa trong mọi hoạt động, thực hiện nghiêm túc, đúng quy định chế độ công bố thông tin.

5. QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1. Hội đồng quản trị

❖ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: Xem tại Mục 2.2.1. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

- Chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ tại các công ty khác: được trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 đã được công bố trên trang thông tin điện tử của BAC A BANK cũng như trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

❖ Các Ủy ban, Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị

Tại ngày 31/12/2025, các Ủy ban, Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Bắc Á gồm có: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự và Hội đồng Tín dụng

- Uỷ ban Quản lý rủi ro

Cơ cấu nhân sự của Uỷ ban Quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị BAC A BANK có 03 thành viên gồm 01 Trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và 02 thành viên. Ủy ban Quản lý rủi ro hoạt động theo *"Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro"* do Hội đồng quản trị ban hành ngày 30/06/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Năm 2025, Ủy ban đã thực hiện tốt nhiệm vụ; tham mưu, đề xuất để Hội đồng quản trị giám sát Tổng Giám đốc trong xây dựng và triển khai chính sách quản lý rủi ro, cũng như xử lý các tồn tại theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, kiểm toán độc lập và cơ quan chức năng. Ủy ban đồng thời rà soát, đánh giá và tham mưu ban hành hoặc điều chỉnh các quy trình, chính sách quản lý rủi ro theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Ngoài ra, Ủy ban được tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc, yêu cầu cung cấp thông tin và phối hợp từ các đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ.

Trong năm, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tham mưu Hội đồng quản trị ban hành việc sửa đổi, bổ sung một số điều của *"Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro"*, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Uỷ ban Nhân sự

Uỷ ban Nhân sự BAC A BANK là đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị, có 07 thành viên, bao gồm: 01 Trưởng ban và 06 thành viên của Uỷ ban. Ủy ban Nhân sự hoạt động theo *"Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Nhân sự"* do Hội đồng quản trị ban hành ngày 10/11/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Năm 2025, Ủy ban đã phát huy tốt vai trò tham mưu về quy mô, cơ cấu nhân sự của Hội đồng quản trị và đội ngũ điều hành phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng; đồng thời tư vấn xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh theo quy định pháp luật và Điều lệ. Bên cạnh đó, Ủy ban nghiên cứu, đề xuất ban hành các quy định nội bộ về tiền lương, thù lao, thưởng, tuyển dụng, đào tạo và chính sách đãi ngộ, nhằm đảm bảo tính cạnh tranh và phù hợp với thực tế hoạt động của Ngân hàng.

Trong năm, Ủy ban Nhân sự đã tham mưu Hội đồng quản trị ban hành việc sửa đổi *"Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Nhân sự"*, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Hội đồng Tín dụng

Hội đồng Tín dụng được thành lập tại Trụ sở chính theo quyết định của Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng Tín dụng gồm có Tổng Giám đốc là Chủ tịch Hội đồng Tín dụng và các thành viên khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.

Hội đồng Tín dụng BAC A BANK hoạt động theo "*Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Tín dụng Ngân hàng TMCP Bắc Á"* do Hội đồng quản trị ban hành ngày 12/07/2022.

Trong năm 2025, Hội đồng Tín dụng đã thực hiện tốt nhiệm vụ phê duyệt cấp tín dụng và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, kịp thời đưa ra các khuyến nghị về định hướng tín dụng trong tương lai và thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã hoạt động hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ. Chủ tịch Hội đồng quản trị đã xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động và được các thành viên thống nhất thông qua. Trên cơ sở phân công nhiệm vụ phù hợp, các thành viên đã tham gia đầy đủ các cuộc họp, tích cực thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền.

Các hoạt động chính của Hội đồng quản trị năm 2025 gồm:

- Chỉ đạo triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2025 đạt được nhiều kết quả khả quan;
- Chỉ đạo triển khai công tác tăng vốn điều lệ và điều chỉnh phương án tăng vốn phù hợp với tình hình hoạt động của Ngân hàng và quy định pháp luật;
- Phê duyệt, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền, đảm bảo công bố thông tin và báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo đúng quy định;
- Chỉ đạo triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua như lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, thông qua "*Phương án khắc phục trong trường hợp can thiệp sớm*", đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo theo quy định;
- Chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các hoạt động kinh doanh phù hợp với định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Công tác kiểm tra, giám sát đối với Ban Điều hành được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ; đồng thời phối hợp với Ban Điều hành triển khai hiệu quả các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao phó.
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát và Ban Điều hành, thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro và đảm bảo sự phát triển an toàn, bền vững của Ngân hàng
- Thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền hạn khác của HĐQT theo quy định pháp luật và quy định nội bộ BAC A BANK.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Bắc Á đã tổ chức 104 cuộc họp (bao gồm các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản) với tỷ lệ tham dự 100% của các Thành viên. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã ban hành trên 177 Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền nhằm xem xét, thông qua và xử lý các vấn đề quan trọng của Ngân hàng, bao gồm: cấp tín dụng, tăng vốn điều lệ, đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động; phát hành trái phiếu riêng lẻ, chứng chỉ tiền gửi; tham gia đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở của Ngân hàng Nhà nước, giao dịch ngoại tệ; cơ cấu tổ chức, ban hành văn bản nội bộ và phát triển mạng lưới hoạt động.

Số lượng các cuộc họp/ lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị cùng các Nghị quyết, Quyết định Hội đồng quản trị đã được tổng hợp đầy đủ trong Báo cáo tình hình quản trị BAC A BANK năm 2025 và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng cũng như trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

❖ Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029 của BAC A BANK gồm có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập. Các thành viên Hội đồng quản trị đều đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và đã được NHNN Việt Nam chấp thuận nhân sự dự kiến trước khi bầu.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phát huy tốt vai trò trong việc tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở độc lập, khách quan, không bị chi phối bởi các yếu tố nội bộ; đồng thời thực hiện giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định trong hoạt động của Hội đồng quản trị, góp phần đảm bảo sự hài hòa trong việc kết hợp kinh nghiệm, trình độ và năng lực chuyên môn giữa các thành viên. Bên cạnh đó, thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã đưa ra nhiều ý kiến mang tính xây dựng, đóng góp tích cực vào hoạt động chung của Hội đồng quản trị BAC A BANK.

❖ **Hoạt động đào tạo về quản trị công ty**

BAC A BANK luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực cấp cao, xem đây là yếu tố quan trọng cho sự phát triển của Ngân hàng. Trung tâm Đào tạo đã triển khai các khóa học cho lãnh đạo và cán bộ quản lý, tập trung vào kỹ năng lãnh đạo và quản lý từ cơ bản đến nâng cao.

Chương trình lãnh đạo tập trung vào xây dựng nền tảng thành công, nghệ thuật ứng xử, giá trị cốt lõi và ứng dụng DISC trong quản lý, tạo động lực và xử lý tình huống. Chương trình quản lý dành cho Giám đốc Chi nhánh, Phòng giao dịch và các cấp quản lý chú trọng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, xây dựng tinh thần đoàn kết và hướng tới mục tiêu chung.

Các khóa đào tạo được triển khai hiệu quả theo cả hình thức trực tuyến và tập trung, với nội dung khóa học có sự đổi mới phù hợp với nhu cầu và từng giai đoạn phát triển của BAC A BANK nói riêng và ngành ngân hàng Việt Nam nói chung.

5.2. Ban Kiểm soát

❖ **Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát**

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết xem tại Mục 2.2.1. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

❖ **Hoạt động của Ban Kiểm soát**

- **Cuộc họp của Ban Kiểm soát**

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát tổ chức 05 cuộc họp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định với nội dung tập trung đánh giá kết quả hoạt động trong kỳ và triển khai kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo. Các cuộc họp do Trưởng Ban chủ trì, có sự tham gia đầy đủ của các thành viên, đảm bảo đúng quy định; biên bản được lập và lưu trữ đầy đủ. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát đã đưa ra nhiều kiến nghị đối với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát rủi ro.

Qua quá trình hoạt động và các cuộc họp trong năm 2025, Ban Kiểm soát ghi nhận, các thành viên đã thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm, tuân thủ quy định pháp luật và định hướng của Ngân hàng; đồng thời tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Bên cạnh các kết quả đạt được, Ban Kiểm soát đã nghiêm túc tiếp thu, đánh giá và rút kinh nghiệm từ các hạn chế do Ngân hàng Nhà nước chỉ ra qua công tác thanh tra, giám sát; đồng thời tăng cường kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo định hướng rủi ro, tập trung vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, không để rủi ro nhỏ phát sinh thành rủi ro lớn. Đồng thời, nâng cao chất lượng báo cáo, thực hiện đầy đủ các yêu cầu, khuyến nghị của NHNN và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, phân tích dữ liệu trong giám sát, cảnh báo sớm và kiến nghị kịp thời.

- **Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã triển khai đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, tập trung vào các nội dung trọng tâm: giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; thẩm định báo cáo tài chính; giám sát hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc; chỉ đạo và giám sát công tác kiểm toán nội bộ theo định hướng rủi ro; rà soát, hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ; giám sát các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền; đồng thời theo dõi, cập nhật danh sách cổ đông và người có liên quan theo quy định.

Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát chú trọng nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ thông qua việc kiện toàn nhân sự, tăng cường đào tạo, ứng dụng công nghệ và phân tích dữ liệu trong hoạt động kiểm tra, giám sát; đồng thời duy trì phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

Kết quả giám sát cho thấy Ngân hàng đã cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025; các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu đạt hoặc vượt kế hoạch, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp chuẩn mực kế toán, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng.

Hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được thực hiện đúng định hướng, tuân thủ quy định pháp luật và chỉ đạo của cơ quan quản lý. Công tác kiểm toán nội bộ được triển khai đúng kế hoạch, tập trung vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, qua đó kịp thời phát hiện, kiến nghị khắc phục các tồn tại, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro.

Các quy định nội bộ tiếp tục được rà soát, cập nhật kịp thời; các hợp đồng, giao dịch được giám sát đảm bảo đúng thẩm quyền, minh bạch. Công tác công bố thông tin và quản lý danh sách cổ đông được thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

❖ Lương , thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Ngân hàng thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2025 và Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông. Thu nhập của Ban Điều hành được chi trả theo quy chế lương của Ngân hàng.

❖ Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Thông tin chi tiết về các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ được trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 đã được công bố trên trang thông tin điện tử của BAC A BANK cũng như trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

❖ Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Thông tin chi tiết về các hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người liên quan của người nội bộ được trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 đã được công bố trên trang thông tin điện tử của BAC A BANK cũng như trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

❖ Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

BAC A BANK thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản trị công ty, Điều lệ và các quy chế nội bộ liên quan. Cơ cấu tổ chức quản trị được duy trì phù hợp, đảm bảo phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Các hoạt động quản trị được triển khai minh bạch, tuân thủ đúng thẩm quyền và quy trình, đảm bảo công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định. Đồng thời, Ngân hàng thường xuyên rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường kiểm soát rủi ro và phù hợp với thông lệ, quy định pháp luật hiện hành.

6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 49

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á
Số 117 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung

Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 47/GP-NHNN ngày 16/04/2019 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (cấp đổi Giấy phép hoạt động số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994); Quyết định số 1804/QĐ-QLGS5 ngày 31/07/2025 về việc sửa đổi nội dung về địa chỉ đặt trụ sở chính và Quyết định số 322/QĐ-NHNN ngày 06/03/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 117 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, năm mươi chín (59) chi nhánh và hai (02) công ty con.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này không thay đổi so với ngày 31/12/2024 gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch
Ông Võ Văn Quang	Thành viên
Ông Đặng Thái Nguyên	Thành viên
Bà Hoàng Hồng Hạnh	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Khánh Chi	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Thái Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Họ và tên	Chức vụ
Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính hợp nhất được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động của Ngân hàng với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á TỈNH NGHỆ AN

THÁI HƯƠNG
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số:105/2026/BCKTHN-HCM.01601

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á ("Ngân hàng"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 49, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

PKF AFC Vietnam Auditing Co., Ltd. is a member of PKF Global, the network of member firms of PKF International Limited, each of which is a separate and independent legal entity and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions of any individual member or correspondent firm(s).

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Doanh nghiệp Kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 25 tháng 03 năm 2025.



NGUYỄN THỊ THANH MINH
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0068-2023-009-1
Người được ủy quyền

LÂM HOÀI NHÂN
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5907-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2026

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

Số 117 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
A	**Tài sản**			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	5.1	**585.389**	**566.596**
II	**Tiền gửi tại NHNN**	5.2	**1.219.788**	**798.225**
III	**Tiền gửi và cho vay các TCTD khác**	5.3	**26.328.326**	**16.023.622**
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		25.819.775	12.454.527
2	Cho vay các TCTD khác		508.551	3.569.095
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	5.4	**22.588.812**	**24.599.926**
1	Chứng khoán kinh doanh		22.588.812	24.599.926
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	5.5	**280.846**	**184.066**
VI	**Cho vay khách hàng**		**124.840.777**	**108.228.371**
1	Cho vay khách hàng	5.6	126.405.235	109.552.804
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	5.7	(1.564.458)	(1.324.433)
VII	**Chứng khoán đầu tư**	5.8	**12.631.155**	**9.380.559**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		12.643.232	9.400.555
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(12.077)	(19.996)
VIII	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	5.9	**29.308**	**146.156**
1	Đầu tư dài hạn khác		52.605	168.105
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(23.297)	(21.949)
IX	**Tài sản cố định**		**1.040.596**	**1.058.591**
1	Tài sản cố định hữu hình	5.10	167.588	171.659
a	*Nguyên giá TSCĐ*		*549.713*	*518.530*
b	*Hao mòn TSCĐ*		*(382.125)*	*(346.871)*
2	Tài sản cố định vô hình	5.11	873.008	886.932
a	*Nguyên giá TSCĐ*		*1.014.625*	*1.012.665*
b	*Hao mòn TSCĐ*		*(141.617)*	*(125.733)*
X	**Bất động sản đầu tư**		**3.683**	**3.683**
a	Nguyên giá BĐSĐT		3.683	3.683
XI	**Tài sản có khác**	5.12	**6.271.622**	**4.496.898**
1	Các khoản phải thu		541.665	299.819
2	Các khoản lãi, phí phải thu		5.593.872	4.125.759
3	Tài sản Có khác		136.085	71.320
	Tổng tài sản Có		**195.820.302**	**165.486.693**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
B	**Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu**			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNN**	5.13	**1.022.424**	**7.504**
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		1.022.424	7.504
II	**Tiền gửi và vay các TCTD khác**	5.14	**25.357.302**	**11.881.039**
1	Tiền gửi của các TCTD khác		25.125.705	11.776.283
2	Vay các TCTD khác		231.597	104.756
III	**Tiền gửi của khách hàng**	5.15	**127.023.635**	**122.549.687**
IV	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro**	5.16	**63.579**	**25.652**
V	**Phát hành giấy tờ có giá**	5.17	**24.900.355**	**16.020.800**
VI	**Các khoản nợ khác**		**4.144.103**	**3.219.561**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		3.390.419	2.456.206
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	5.18	753.684	763.355
	Tổng nợ phải trả		**182.511.398**	**153.704.243**
VII	**Vốn và các quỹ**	5.19	**13.308.904**	**11.782.450**
1	Vốn của TCTD		10.139.266	9.066.625
a	*Vốn điều lệ*		*10.032.190*	*8.959.336*
b	*Thặng dư vốn cổ phần*		*107.076*	*107.289*
2	Quỹ của TCTD		1.245.308	1.045.470
3	Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế		1.924.330	1.670.355
	Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu		**195.820.302**	**165.486.693**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

Số 117 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT				
1	Bảo lãnh vay vốn		1.725.776	1.188.176
2	Cam kết giao dịch hối đoái		176.322.901	96.172.077
a	*Cam kết mua ngoại tệ*		*21.801.000*	*16.809.800*
b	*Cam kết bán ngoại tệ*		*23.245.800*	*6.759.800*
c	*Cam kết giao dịch hoán đổi*		*131.276.101*	*72.602.477*
3	Cam kết cho vay không hủy ngang		2.235.876	1.330.645
4	Bảo lãnh khác		3.037.327	1.221.016
5	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được		685.408	692.361
6	Nợ khó đòi đã xử lý		2.430.901	2.488.783

NGUYỄN THÙY TRƯỜNG GIANG	NGUYỄN HỒNG YẾN	THÁI HƯƠNG
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Nghệ An, ngày 20 tháng 03 năm 2026

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á
Số 117 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.1	13.556.729	11.812.113
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	6.2	10.109.831	8.490.903
I	**Thu nhập lãi thuần**		**3.446.898**	**3.321.210**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		239.956	150.014
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		58.791	44.433
II	**Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ**	6.3	**181.165**	**105.581**
III	**Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	6.4	**75.640**	**(68.252)**
IV	**Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	6.5	**178.778**	**283.676**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		124.275	27.292
6	Chi phí hoạt động khác		24.634	21.182
V	**Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác**	6.6	**99.641**	**6.110**
VI	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	6.7	**53.838**	**12.638**
VII	**Chi phí hoạt động**	6.8	**2.320.344**	**2.249.272**
VIII	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro tín dụng**		**1.715.616**	**1.411.691**
IX	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**242.047**	**151.413**
X	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**1.473.569**	**1.260.278**
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		283.968	249.023
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XI	**Chi phí thuế TNDN**	6.9	**283.968**	**249.023**
XII	**Lợi nhuận sau thuế**		**1.189.601**	**1.011.255**
	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Ngân hàng		**1.189.601**	**1.011.255**
XIII	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)**	6.10	**1.141**	**887**

NGUYỄN THÙY TRƯỜNG GIANG	**NGUYỄN HỒNG YẾN**	**THÁI HƯƠNG**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Nghệ An, ngày 20 tháng 03 năm 2026

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

Số 117 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			Triệu VND	Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		10.026.255	9.370.662
2	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả		(9.065.050)	(10.134.901)
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		181.165	105.581
4	Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		2.362.258	2.088.030
5	Lãi/ (lỗ) từ hoạt động khác		(16.956)	(13.883)
6	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		116.403	15.029
7	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(2.315.867)	(1.998.464)
8	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	8.2	(248.109)	(262.060)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		**1.040.099**	**(830.006)**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
9	(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		2.610.543	(1.358.834)
10	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(717.809)	(2.037.801)
11	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(96.780)	(184.066)
12	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(16.852.431)	(9.698.829)
13	(Tăng)/Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý bù đắp tổn thất các khoản		(8.593)	(26.531)
14	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(352.092)	53.524
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		1.014.920	(16.612)
16	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		13.476.263	722.286
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng		4.473.948	4.072.764
18	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		9.733.005	5.700.000
19	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		37.927	15.845
20	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	(97.173)
21	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(111.617)	187.249
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		-	(131.480)
I	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**14.247.383**	**(3.629.664)**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

Số 117 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Mua sắm TSCĐ		(35.353)	(51.776)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		245	137
3	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(5.260)
4	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		53.838	12.638
II	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**18.730**	**(44.261)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		451.759	-
2	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		1.500.000	3.500.000
3	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		(2.464.016)	(263.290)
III	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**(512.257)**	**3.236.710**
IV	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**13.753.856**	**(437.215)**
V	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**14.769.109**	**15.206.324**
VI	**Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá**		**-**	**-**
VII	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**7**	**28.522.965**	**14.769.109**

NGUYỄN THÙY TRƯỜNG GIANG	**NGUYỄN HỒNG YẾN**	**THÁI HƯƠNG**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Nghệ An, ngày 20 tháng 03 năm 2026

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á
Số 117 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 47/GP-NHNN ngày 16/04/2019 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (cấp đổi Giấy phép hoạt động số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994); Quyết định số 1804/QĐ-QLGS5 ngày 31/07/2025 về việc sửa đổi nội dung về địa chỉ đặt trụ sở chính và Quyết định số 322/QĐ-NHNN ngày 06/03/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng.

Ngành nghề kinh doanh

Ngân hàng được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
- Cấp tín dụng dưới các hình thức: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng và bao thanh toán trong nước; thư tín dụng;
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước;
- Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- Ví điện tử;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Mua nợ.
- Ngân hàng thực hiện các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10.032.190.520.000 VND (Mười nghìn không trăm ba mươi hai tỷ, một trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng); tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 8.959.336.420.000 VND.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 117 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Ngân hàng có một (01) Hội sở chính và năm mươi chín (59) chi nhánh và hai (02) công ty con.

Công ty con được hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có 02 công ty con được hợp nhất như sau:

Công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỉ lệ sở hữu
Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á	Cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ	100%
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á (AMC)	Quản lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay	100%

Số lượng nhân viên

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Ngân hàng và các công ty con là 4.284 người (tại ngày 31/12/2024: 3.886 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con là đồng Việt Nam (VND). Cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (Triệu VND). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng.

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập và trình bày theo quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành; chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các văn bản sửa đổi bổ sung quyết định bổ sung Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN và Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN được ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm: Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014; Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017; Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.3. Giả định hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu Chính Phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán là tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác có kỳ hạn tối đa 03 tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về việc phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31") và Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái ("Nghị định 86"). Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 4.3.

Theo Thông tư 31 và Nghị định 86, Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4.3. Các khoản cho vay khách hàng

Dư nợ cho vay khách hàng

Việc phân loại nợ được thực hiện theo Thông tư 31.

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn đến 1 năm; các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 5 năm và các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn trên 5 năm kể từ ngày giải ngân.

Theo Thông tư 31, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 ("Thông tư 02") và Thông tư 06/2024/TT-NHNN ngày 18/06/2024 ("Thông tư 06") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn, Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ trước thời điểm cơ cấu đối với các khoản nợ phát sinh trước ngày 24/04/2023 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 24/04/2023 đến hết ngày 31/12/2024, đồng thời đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 02 và Thông tư 06.

Ngoài ra, theo Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản cho vay khách hàng cũng được phân loại thành: Nợ trong hạn và Nợ quá hạn dựa vào trạng thái quá hạn của một khoản vay theo hợp đồng tín dụng hoặc các phụ lục gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay khách hàng được thực hiện theo quy định của Nghị định 86.

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung được lập hàng tháng theo quy định tại Nghị định 86.

Dự phòng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng và số dư các khoản cho vay sau khi trừ đi giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo tỷ lệ quy định cho từng loại tài sản bảo đảm. Tỷ lệ dự phòng cụ thể áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo Thông tư 02, Ngân hàng xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích lập bổ sung như sau:

- Xác định số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Nghị định 86: (A)

- Xác định số tiền dự phòng cụ thể đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02 và đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo Nghị định 86: (B)

- Dự phòng cụ thể trích bổ sung (C) bằng chênh lệch (A) - (B) được thực hiện trích bổ sung như sau:
+ Đến thời điểm 31/12/2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
+ Đến thời điểm 31/12/2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Dự phòng chung được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 theo quy định tại Nghị định 86.

Xử lý nợ xấu

Theo Nghị định 86, Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp:
- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

4.4. Các khoản đầu tư

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác mà Ngân hàng mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian không quá một năm nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán kinh doanh, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở thực thu.

b) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN- TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn được nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Ngân hàng và Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập, không là đối tác chiến lược, không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội và chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng trên cơ sở dồn tích, số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định nhằm mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội/chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán, số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó. Số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng trên cơ sở dồn tích, số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

c) Góp vốn, đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán có thời gian nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm và Ngân hàng là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc nhưng Ngân hàng không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư. Các khoản đầu tư dài hạn khác ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

d) Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán (không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

- Nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định như sau:
• Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
• Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư căn cứ báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

- Trường hợp chứng khoán đã được niêm yết trên thị trường hoặc cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng; chứng khoán bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày trích lập dự phòng thì mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư căn cứ báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng niêm yết (UPCom), Ngân hàng thực hiện dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định 86 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.3.

Theo Nghị định 86, Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành.

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa phần vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư và vốn chủ sở hữu thực có trên báo cáo tài chính gần nhất của các đơn vị nhận đầu tư tại thời điểm cuối năm tài chính nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Ngân hàng so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.5. Các hợp đồng mua và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi vào khoản mục "Các khoản phải thu" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 38 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 13 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 11 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp.

4.7. Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Mức trích lập dự phòng đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng (Xem Thuyết minh số 4.3).

4.8. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

4.9. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.10. Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

4.11. Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá được ghi nhận theo giá gốc và các khoản phân bổ phụ trội hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

4.12. Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Ngân hàng phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Ngân hàng trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

Theo Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Quốc hội Việt Nam ban hành và Nghị định 135/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2025, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	**Số dư tối đa**
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế sau khi chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo các giao dịch, hợp đồng đã ký kết và bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế TNDN	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Không quy định mức tối đa

Các quỹ dự trữ được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Quỹ dự phòng tài chính;

- Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các Quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Ngân hàng. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Ngân hàng có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng sau khi có thông báo chia cổ tức của Ngân hàng và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4.14. Thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi

Thu nhập từ lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được tiền.

Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và cổ tức

Các khoản thu nhập từ hoạt động dịch vụ được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức bằng tiền mặt được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức từ các khoản đầu tư của Ngân hàng được xác định, cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng năm tài chính hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác năm tài chính và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

4.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Ngân hàng được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.16. Các khoản mục ngoại bảng

Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên các chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa, số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày có hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Ngân hàng có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 31, Ngân hàng phải thực hiện phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm (xem Thuyết minh số 4.3) để thực hiện quản lý.

4.17. Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.18. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác, các tài sản phái sinh và các tài sản tài chính khác.

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính kinh doanh;

- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu;
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Nợ phải trả tài chính

Các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, giấy tờ có giá đã phát hành, các khoản nợ phải trả phái sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Người có liên quan của Ngân hàng là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng là công ty mẹ của Ngân hàng;
- Công ty con của Ngân hàng;
- Công ty có cùng công ty mẹ hoặc cùng tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng;
- Vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh. chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ. chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Ngân hàng.

4.20. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 49/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 49") và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2021 để sửa đổi, bổ sung Thông tư 49 mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	539.418	522.970
Tiền mặt bằng ngoại tệ	45.971	43.626
	585.389	**566.596**

5.2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	1.219.788	798.225
Bằng VND	*1.193.125*	*796.636*
Bằng ngoại tệ	*26.663*	*1.589*
	1.219.788	**798.225**

5.3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi tại các TCTD khác (a)	25.819.775	12.454.527
Cho vay các TCTD khác (b)	508.551	3.569.095
Dự phòng rủi ro	-	-
	26.328.326	**16.023.622**

(a) Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	7.393.098	6.328.677
Bằng VND	*6.064.896*	*4.965.505*
Bằng ngoại tệ	*1.328.202*	*1.363.172*
Tiền gửi có kỳ hạn	18.426.677	6.125.850
Bằng VND	*18.400.000*	*6.100.000*
Bằng ngoại tệ	*26.677*	*25.850*
	25.819.775	**12.454.527**

(b) Cho vay các TCTD khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Cho vay bằng VND	508.551	3.569.095
Trong đó: chiết khấu, tái chiết khấu	*508.551*	*3.119.095*
	508.551	**3.569.095**

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	18.935.228	9.694.945
	18.935.228	**9.694.945**

5.4. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng khoán nợ	22.588.812	24.599.926
Chứng chỉ tiền gửi	*22.588.812*	*24.599.926*
	22.588.812	**24.599.926**

Phân tích chất lượng dư nợ chứng khoán kinh doanh được phân loại tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	22.588.812	24.599.926
	22.588.812	**24.599.926**

5.5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	280.846	184.066
Giao dịch hoán đổi ngoại tệ	*280.846*	*184.066*
	280.846	**184.066**

5.6. Cho vay khách hàng

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Cho vay tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	126.405.127	109.552.476
Cho vay bằng vốn tài trợ ủy thác đầu tư	-	240
Cho vay khác	108	88
	126.405.235	**109.552.804**

(a) Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	124.580.749	107.804.232
Nợ cần chú ý	369.740	389.411
Nợ dưới tiêu chuẩn	137.377	194.360
Nợ nghi ngờ	137.466	270.901
Nợ có khả năng mất vốn	1.179.903	893.900
	126.405.235	**109.552.804**

(b) Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	53.998.492	51.798.983
Nợ trung hạn	26.352.515	15.368.916
Nợ dài hạn	46.054.228	42.384.905
	126.405.235	**109.552.804**

(c) Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế	46.087.037	35.614.010
Công ty TNHH	*19.490.501*	*12.434.963*
Công ty cổ phần	*26.541.347*	*23.163.733*
Doanh nghiệp tư nhân	*3.480*	*3.738*
Công ty hợp danh	*63*	*153*
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	*11.119*	*11.423*
Khác	*40.527*	-
Cho vay cá nhân, hộ kinh doanh	80.318.198	73.938.794
	126.405.235	**109.552.804**

(d) Phân tích dư nợ cho vay theo ngành kinh tế

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	21.898.817	20.183.435
Khai khoáng	739.727	805.205
Công nghiệp chế biến, chế tạo	41.105.123	36.207.536
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1.026.688	1.107.280
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	919.984	1.281.571
Xây dựng	6.629.868	6.257.916
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	15.744.057	12.608.320
Vận tải kho bãi	988.033	924.127
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	197.944	617.362
Thông tin và truyền thông	45.567	82.248
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	10.400	207.621
Hoạt động kinh doanh bất động sản	13.698.605	6.557.890
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	58.477	56.543
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	350.342	111.237
Giáo dục và đào tạo	51.211	885.080
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	64.204	40.972
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	260.994	259.685
Hoạt động dịch vụ khác	18.526.999	15.605.387
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và địch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	4.087.444	5.753.121
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	751	268
	126.405.235	**109.552.804**

5.7. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Dự phòng chung	939.271	814.942
Dự phòng cụ thể	625.187	509.491
	1.564.458	**1.324.433**

Chi tiết tăng/giảm dự phòng rủi ro tín dụng

	Dự phòng cụ thể Triệu VND	Dự phòng chung Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Năm 2025			
Số dư đầu năm	**509.491**	**814.942**	**1.324.433**
Số dự phòng rủi ro trích lập trong năm	173.450	153.001	326.451
Số dự phòng hoàn nhập trong năm	(55.732)	(28.672)	(84.404)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(2.022)	-	(2.022)
Số dư cuối năm	**625.187**	**939.271**	**1.564.458**
Năm 2024			
Số dư đầu năm	**454.647**	**745.039**	**1.199.686**
Số dự phòng rủi ro trích lập trong năm	184.520	90.331	274.851
Số dự phòng hoàn nhập trong năm	(103.010)	(20.428)	(123.438)
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	(26.666)	-	(26.666)
Số dư cuối năm	**509.491**	**814.942**	**1.324.433**

5.8. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng khoán nợ	**12.391.232**	**9.264.055**
Chứng khoán Chính phủ	3.541.817	3.695.935
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	7.239.144	2.902.018
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	1.610.271	2.666.102
Chứng khoán vốn	**252.000**	**136.500**
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	136.500	136.500
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	115.500	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	**(12.077)**	**(19.996)**
Dự phòng chung	(12.077)	(19.996)
	12.631.155	**9.380.559**

5.9 Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2025			31/12/2024		
	Giá trị đầu tư Triệu VND	**Dự phòng** Triệu VND	**Tỉ lệ nắm giữ** %	**Giá trị đầu tư** Triệu VND	**Dự phòng** Triệu VND	**Tỉ lệ nắm giữ** %
Các khoản đầu tư dài hạn khác	**52.605**	**(23.297)**		**168.105**	**(21.949)**	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	-	-	-	115.500	-	4,91%
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	2.000	-	0,83%	2.000	-	0,83%
Tổng công ty MBLand	1.676	-	0,06%	1.676	-	0,26%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	19.780	-	6,11%	19.780	-	6,11%
Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	2.000	(2.000)	10,00%	2.000	(2.000)	10,00%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	21.889	(18.118)	0,50%	21.889	(18.183)	0,50%
Công ty Cổ phần xếp hạng tín nhiệm Đầu tư Việt Nam	5.260	(3.179)	2,70%	5.260	(1.766)	5,10%
	52.605	**(23.297)**		**168.105**	**(21.949)**	

Tại ngày báo cáo, Ngân hàng không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

5.10 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Tại ngày 31/12/2024	62.663	257.595	138.902	59.370	518.530
Mua sắm trong năm	2.803	7.415	16.778	6.438	33.434
Thanh lý, nhượng bán	(204)	(332)	(676)	(1.039)	(2.251)
Tại ngày 31/12/2025	**65.262**	**264.678**	**155.004**	**64.769**	**549.713**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 31/12/2024	35.977	177.428	84.768	48.698	346.871
Khấu hao trong năm	2.444	19.448	11.066	4.455	37.413
Thanh lý, nhượng bán	(154)	(330)	(636)	(1.039)	(2.159)
Tại ngày 31/12/2025	**38.267**	**196.546**	**95.198**	**52.114**	**382.125**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/2024	26.686	80.167	54.134	10.672	171.659
Tại ngày 31/12/2025	**26.995**	**68.132**	**59.806**	**12.655**	**167.588**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 31/12/2024	197.591
Tại ngày 31/12/2025	**229.393**

5.11 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá				
Tại ngày 31/12/2024	842.129	170.536	-	1.012.665
Mua sắm trong năm	-	1.878	82	1.960
Tại ngày 31/12/2025	**842.129**	**172.414**	**82**	**1.014.625**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 31/12/2024	10.435	115.298	-	125.733
Khấu hao trong năm	812	15.072	-	15.884
Tại ngày 31/12/2025	**11.247**	**130.370**	**-**	**141.617**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2024	831.694	55.238	-	886.932
Tại ngày 31/12/2025	**830.882**	**42.044**	**82**	**873.008**

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	
Tại ngày 31/12/2024	83.578
Tại ngày 31/12/2025	**81.894**

5.12 Tài sản có khác

	31/12/2025	31/12/2024
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải thu (a)	541.665	299.819
Các khoản lãi, phí phải thu (b)	5.593.872	4.125.759
Tài sản có khác (c)	136.085	71.320
	6.271.622	**4.496.898**

(a) Chi tiết các khoản phải thu

	31/12/2025	31/12/2024
	Triệu VND	Triệu VND
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	75.761	59.447
Thuế GTGT được khấu trừ	384	574
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.668	2.423
Các khoản phải thu nội bộ	143.565	69.366
Các khoản phải thu bên ngoài	319.287	168.009
	541.665	**299.819**

(b) Chi tiết các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2025	31/12/2024
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi phải thu từ tiền gửi	18.698	17.029
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	1.003.337	842.238
Lãi phải thu từ cho vay	4.449.558	3.237.190
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	72.725	27.245
Phí phải thu	49.554	2.057
	5.593.872	**4.125.759**

(c) Tài sản có khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Công cụ dụng cụ	31.737	30.114
Chi phí chờ phân bổ	104.348	41.206
	136.085	**71.320**

5.13 Các khoản nợ Chính phủ và NHNN

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước	**1.022.424**	**7.504**
Vay theo hồ sơ tín dụng	*963*	*7.504*
Vay chiết khấu các giấy tờ có giá	*1.021.461*	-
	1.022.424	**7.504**

5.14 Tiền gửi và vay các TCTD khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi của các TCTD khác	**25.125.705**	**11.776.283**
Tiền gửi không kỳ hạn	6.550.705	4.901.283
Bằng VND	*5.905.394*	*4.901.283*
Bằng ngoại tệ	*645.311*	-
Tiền gửi có kỳ hạn	18.575.000	6.875.000
Bằng VND	*18.575.000*	*6.400.000*
Bằng ngoại tệ	-	*475.000*
Vay các TCTD khác	**231.597**	**104.756**
Bằng VND	*230.956*	*104.057*
Bằng ngoại tệ	*641*	*699*
	25.357.302	**11.881.039**

5.15 Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	4.465.097	3.433.196
Bằng VND	*4.342.903*	*3.383.366*
Bằng ngoại tệ	*122.194*	*49.830*
Tiền gửi có kỳ hạn	122.338.077	118.967.213
Bằng VND	*122.250.890*	*118.893.338*
Bằng ngoại tệ	*87.187*	*73.875*
Tiền gửi vốn chuyên dùng	29	27
Bằng ngoại tệ	*29*	*27*
Tiền gửi ký quỹ	220.432	149.251
Bằng VND	*217.064*	*148.922*
Bằng ngoại tệ	*3.368*	*329*
	127.023.635	**122.549.687**

Thuyết minh tiền gửi của khách hàng theo đối tượng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	6.567.343	5.321.631
Doanh nghiệp Nhà nước	*202.944*	*209.185*
Công ty TNHH	*2.137.470*	*1.384.577*
Công ty cổ phần	*3.621.652*	*3.344.353*
Doanh nghiệp tư nhân	*3.594*	*2.767*
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	*96.398*	*21.408*
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	*18.807*	*16.726*
Tổ chức kinh tế khác	*486.478*	*342.615*
Tiền gửi của cá nhân	120.456.292	117.228.056
	127.023.635	**122.549.687**

5.16 Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	63.579	25.652
	63.579	**25.652**

5.17 Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Dưới 12 tháng	5.000.000	3.000.000
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	15.734.955	8.001.950
Từ 5 năm trở lên (i)	4.165.400	5.018.850
	24.900.355	**16.020.800**

Đây là các khoản trái phiếu được Ngân hàng phát hành có giá trị ghi sổ bằng với mệnh giá và giá trị thuần, không phát sinh chiết khấu và phụ trội trái phiếu. Các đợt phát hành trái phiếu đã được Hội đồng quản trị thông qua phù hợp với nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm.

(i) Trong đó, số lượng trái phiếu được phân phối thành công từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng lần 2 (đợt 3) (ngày kết thúc đợt chào bán: 25/08/2025) là 15.000.000 trái phiếu, mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu. Toàn bộ số tiền thu được theo mệnh giá từ đợt phát hành trái phiếu này (1.500.000 triệu đồng) đã được Ngân hàng sử dụng để bổ sung vốn cho vay dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, phù hợp với phương án sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị thông qua.

5.18 Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	177.197	97.926
Các khoản phải trả nội bộ	406.766	516.987
Các khoản phải trả bên ngoài	169.721	148.442
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	*155.995*	*111.408*
Doanh thu chờ phân bổ	*-*	*17.340*
Các khoản phải trả bên ngoài khác	*13.726*	*19.694*
	753.684	**763.355**

5.19 Vốn và các quỹ

5.19.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 31/12/2024	**8.959.336**	**107.289**	**564**	**710.112**	**334.794**	**1.670.355**	**11.782.450**
Tăng vốn bằng tiền (*)	451.972	(213)	-	-	-	-	451.759
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.189.601	1.189.601
Trích lập các quỹ trong năm (**)	-	-	-	99.919	99.919	(314.744)	(114.906)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	620.882	-	-	-	-	(620.882)	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	**10.032.190**	**107.076**	**564**	**810.031**	**434.713**	**1.924.330**	**13.308.904**

(*) Trong năm, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 8.959.336.420.000 đồng lên 10.032.190.520.000 đồng theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Ngân hàng phát hành thêm 107.285.410 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần thông qua 2 hình thức:

- Phát hành 62.088.201 cổ phần phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối luỹ kế năm 2023 và
- Chào bán 45.197.209 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

(**) Trong năm, Ngân hàng đã thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2025.

	Số tiền
	Triệu VND
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	99.919
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	99.919
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	99.918
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	14.988
	314.744

5.19.2 Chi tiết vốn đầu tư của Ngân hàng

	31/12/2025			31/12/2024		
	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vốn góp các cổ đông	10.032.190	10.032.190	-	8.959.336	8.959.336	-
Thặng dư vốn cổ phần	107.076	107.076	-	107.289	107.289	-
	10.139.266	**10.139.266**	**-**	**9.066.625**	**9.066.625**	**-**

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2025	31/12/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.003.219.052	895.933.642
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.003.219.052	895.933.642
Cổ phiếu phổ thông	*1.003.219.052*	*895.933.642*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.003.219.052	895.933.642
Cổ phiếu phổ thông	*1.003.219.052*	*895.933.642*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

6.1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	449.347	133.090
Thu nhập lãi cho vay	10.775.293	10.250.733
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	2.268.938	1.397.651
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	58.879	27.686
Thu khác từ hoạt động tín dụng	4.272	2.953
	13.556.729	**11.812.113**

6.2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	8.977.630	7.927.056
Trả lãi tiền vay	1.709	211
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.129.294	563.206
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng khác	1.198	430
	10.109.831	**8.490.903**

6.3. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán	**15.728**	**15.765**
+ Thu từ dịch vụ thanh toán	37.509	34.750
+ Chi về dịch vụ thanh toán	21.781	18.985
Lỗ thuần từ dịch vụ ngân quỹ	**(3.082)**	**(3.267)**
+ Thu từ dịch vụ ngân quỹ	1.504	1.241
+ Chi từ dịch vụ ngân quỹ	4.586	4.508
Lãi thuần từ hoạt động ủy thác và đại lý	**61.782**	**39.517**
+ Thu từ hoạt động ủy thác và đại lý	67.831	41.951
+ Chi từ hoạt động ủy thác và đại lý	6.049	2.434
Lãi/ (Lỗ) thuần từ hoạt động tư vấn	**32.919**	**(842)**
+ Thu từ hoạt động tư vấn	33.636	4.861
+ Chi từ hoạt động tư vấn	717	5.703
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ khác	**73.818**	**54.408**
+ Thu từ hoạt động dịch vụ khác	99.476	67.211
+ Chi từ hoạt động dịch vụ khác	25.658	12.803
	181.165	**105.581**

6.4. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	215.317	300.698
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	139.677	368.950
	75.640	**(68.252)**

6.5. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	196.082	314.178
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	25.223	32.001
Dự phòng/ (Hoàn nhập) dự phòng chứng khoán đầu tư	(7.919)	(1.499)
	178.778	**283.676**

6.6. Lãi/ (lỗ) thuần từ các hoạt động kinh doanh khác

	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Thu nhập về hoạt động kinh doanh khác	**124.275**	**27.292**
+ Thu từ các khoản nợ đã xử lý rủi ro	116.403	15.029
+ Thu khác	7.872	12.263
Chi về hoạt động kinh doanh khác	**24.634**	**21.182**
+ Chi phí liên quan ủy thác thu hồi nợ	898	104
+ Chi khác	23.736	21.078
	99.641	**6.110**

6.7. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Thu nhập góp vốn, mua cổ phần	**53.838**	**12.638**
+ Thu từ chứng khoán đầu tư	42.706	-
+ Từ góp vốn, đầu tư dài hạn khác	11.132	12.638
	53.838	**12.638**

6.8. Chi phí hoạt động

	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	**11.310**	**8.561**
Chi phí cho nhân viên	**1.452.737**	**1.403.176**
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	1.160.504	1.103.231
Các khoản chi đóng góp theo lương	131.596	118.355
Chi trợ cấp	1.807	367
Chi khác cho cán bộ, nhân viên	158.830	181.223
Chi về tài sản	**301.211**	**268.834**
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	53.297	50.998
Chi hoạt động quản lý công vụ	**32.164**	**30.928**
Trong đó:		
Công tác phí	30.468	24.316
Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	1.696	6.612
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	**187.592**	**172.443**
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	**1.348**	**1.635**
Chi hoạt động khác	**333.982**	**363.695**
	2.320.344	**2.249.272**

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính như sau:

	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**283.968**	**249.023**
Ngân hàng TMCP Bắc Á	282.922	245.981
Công ty TNHH kiều hối Bắc Á	868	698
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á (AMC)	178	2.344
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**-**	**-**
Chi phí thuế TNDN	**283.968**	**249.023**

Ngân hàng và các công ty con áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm 2025

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	**1.189.601**	**1.011.255**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:	-	(99.918)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	*(99.918)*
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.189.601	911.337
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.042.545.316	1.026.942.992
Lãi Cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	**1.141**	**887**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
Số cổ phiếu bình quân lưu hành đầu năm	1.026.942.992	895.933.642
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông do tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 (ii)	-	62.088.201
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông do tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 (ii)	-	68.921.149
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông do thay đổi vốn do phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	45.197.209	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (iii)	**1.042.545.316**	**1.026.942.992**

Chỉ tiêu	Năm 2024 trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Năm 2024 Sau điều chỉnh
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.129	(242)	887

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2025, Ngân hàng đã trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2024, trong đó có trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 99.918 triệu VND.

(ii) Trong năm 2025, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 8.959.336.420.000 đồng lên 10.032.190.520.000 đồng theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Ngân hàng phát hành thêm 62.088.201 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối luỹ kế năm 2023. Ngoài ra, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2025, Ngân hàng phát hành thêm 68.921.149 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối luỹ kế năm 2024 và hoàn tất việc tăng vốn vào ngày 06/03/2026.

Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh hồi tố lãi cơ bản trên cổ phiếu do các ảnh hưởng của sự kiện nêu trên đối với số liệu so sánh năm 2024 theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu. Do đó số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm 2024 là 1.026.942.992 cổ phiếu.

(iii) Bên cạnh đó, trong năm 2025, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 8.959.336.420.000 đồng lên 10.032.190.520.000 đồng theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Ngân hàng chào bán 45.197.209 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (ngày kết thúc đợt chào bán 27/08/2025). Do đó số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm 2025 là 1.042.545.316 cổ phiếu.

Ngân hàng chưa trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025 do chưa được thông qua nên lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 chưa tính đến ảnh hưởng (nếu có) của việc này.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	31/12/2024
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ	585.389	566.596
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.219.788	798.225
Tiền gửi tại các TCTD khác (gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 3 tháng)	25.819.775	12.454.527
Cho vay các TCTD khác (có kỳ hạn không quá 3 tháng)	-	450.000
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	898.013	499.761
	28.522.965	**14.769.109**

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1. Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên

Chỉ tiêu	**Năm 2025**	**Năm 2024**
	Triệu VND	Triệu VND
Tổng số cán bộ, CNV (người)	**4.284**	**3.886**
Tổng quỹ lương	1.160.504	1.103.231
Thu nhập khác	50.901	46.739
Tổng thu nhập	1.211.405	1.149.970
Tiền lương bình quân (người/tháng)	22,57	23,66
Thu nhập bình quân (người/tháng)	23,56	24,66

8.2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số dư đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư cuối năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế GTGT	1.325	26.763	20.930	7.158
Thuế TNDN	86.375	283.968	248.109	122.234
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.708	179.803	176.908	26.603
	111.408	**490.534**	**445.947**	**155.995**

8.3. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường là người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng vào ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
	Triệu VND	Triệu VND
Bảo lãnh vay vốn	1.725.776	1.188.176
Bảo lãnh khác	3.037.327	1.221.016
Bảo lãnh thanh toán	*1.796.123*	*169.312*
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	*156.886*	*143.332*
Bảo lãnh dự thầu	*51.869*	*351.440*
Cam kết bảo lãnh khác	*1.032.449*	*556.932*
Cam kết giao dịch hối đoái	176.322.901	96.172.077
Cam kết mua ngoại tệ	*21.801.000*	*16.809.800*
Cam kết bán ngoại tệ	*23.245.800*	*6.759.800*
Cam kết giao dịch hoán đổi	*131.276.101*	*72.602.477*
Cam kết cho vay không hủy ngang	2.235.876	1.330.645
	183.321.880	**99.911.914**

8.4. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Lãi cho vay chưa thu được	685.377	580.751
Lãi chứng khoán chưa thu được	-	111.580
Phí phải thu chưa thu được	31	30
	685.408	**692.361**

8.5. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	490.593	600.645
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.940.308	1.888.138
	2.430.901	**2.488.783**

8.6. Giao dịch và số dư các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan phát sinh trong năm

	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Chi phí trả lãi tiền gửi của	**129**	**360**
Thành viên Hội đồng quản trị	23	90
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	89	203
Thành viên Ban kiểm soát	17	67

Ngân hàng thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2025 và Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được chi trả theo quy chế lương của Ngân hàng.

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi của khách hàng	**73.743**	**44.346**
Thành viên Hội đồng quản trị	5.568	3.664
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	67.682	40.285
Thành viên Ban Kiểm soát	493	397

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, Ngân hàng không có bất kỳ giao dịch hay số dư trọng yếu nào khác đối với các bên liên quan khác của ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

8.7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất này.

8.8. Quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro tài chính mà Ngân hàng phải chịu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.

8.8.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng, khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Rủi ro tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay và bảo lãnh dưới nhiều hình thức.

Ngân hàng cũng chịu các rủi ro tín dụng khác phát sinh từ các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ và các rủi ro khác trong hoạt động giao dịch của Ngân hàng (rủi ro giao dịch), bao gồm các tài sản trên danh mục giao dịch không thuộc vốn chủ sở hữu, các công cụ phái sinh và số dư thanh toán với các đối tác.

Rủi ro tín dụng là rủi ro lớn nhất cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; do đó Ban lãnh đạo quản lý rủi ro tín dụng cho Ngân hàng một cách rất cẩn trọng. Ngân hàng cũng đã xây dựng hệ thống văn bản quy định chung về quản lý rủi ro tín dụng dựa trên các quy định của Ngân hàng Nhà nước và định hướng quản trị rủi ro nội bộ của Ngân hàng.

Hiện tại, bên cạnh việc thường xuyên điều chỉnh, cập nhật các mô hình và văn bản quy phạm nội bộ để phù hợp với tình hình hoạt động tín dụng tại Ngân hàng, Ngân hàng tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện mô hình Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ trong thời gian tới.

A. Đo lường rủi ro tín dụng xác định tổn thất và lập dự phòng

(a) Các tài sản tài chính

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản Nợ nhóm 1 theo quy định tại Thông tư 31; các chứng khoán; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

(b) Cho vay và bảo lãnh

Việc đo lường rủi ro tín dụng được thực hiện trước và trong thời gian cho vay.

Ngân hàng đã xây dựng các mô hình hỗ trợ việc định lượng rủi ro tín dụng. Các mô hình xếp hạng và chấm điểm này được sử dụng cho mọi danh mục tín dụng trọng yếu và hình thành cơ sở cho việc đo lường các rủi ro vi phạm thanh toán trước và trong khi cho vay.

Dựa trên việc đo lường trên, Ngân hàng phân loại các khoản vay và trích lập dự phòng theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đo lường và phân loại các khoản cho vay và bảo lãnh như đã trình bày trong Thuyết minh mục 4 về các chính sách kế toán.

(c) Chứng khoán nợ

Các khoản đầu tư của Ngân hàng vào chứng khoán nợ là các công cụ nợ do Chính phủ và các tổ chức tín dụng và kinh tế có uy tín phát hành. Rủi ro tín dụng được ước tính theo từng khoản nợ cụ thể khi Ngân hàng đánh giá có sự thay đổi về rủi ro tín dụng của bên đối tác. Các khoản đầu tư vào các chứng khoán này được xem là cách để đảm bảo hoạch định chất lượng tín dụng tốt hơn và đồng thời duy trì nguồn tín dụng sẵn sàng để đáp ứng yêu cầu cấp vốn.

B. Các chính sách kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Ngân hàng kiểm soát rủi ro tín dụng bằng việc áp dụng các hạn mức đối với các rủi ro (cho cả rủi ro nội bảng và rủi ro ngoại bảng) liên quan đến từng khách hàng vay vốn, hoặc nhóm khách hàng vay vốn theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thêm vào đó, rủi ro tín dụng cũng được kiểm soát thông qua việc rà soát định kỳ các nhóm tài sản thế chấp và phân tích khả năng trả nợ lãi và vốn của các khách hàng vay vốn và các khách hàng tiềm năng.

Ngân hàng có một số các chính sách và cách thức thực hành để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Cách thức truyền thống nhất là nắm giữ các tài sản đảm bảo cho các khoản tạm ứng vốn, một cách thức phổ biến. Các loại tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay và ứng trước gồm có:

- Thế chấp đối với các bất động sản là nhà ở;

- Quyền đối với các tài sản hoạt động như trụ sở, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, các khoản phải thu;

- Quyền đối với các công cụ tài chính như chứng khoán nợ và chứng khoán vốn.

Đối với các khoản cho vay có đảm bảo, tài sản thế chấp được định giá một cách độc lập bởi Ngân hàng với việc áp dụng các tỷ lệ chiết khấu cụ thể để xác định giá trị có thể cho vay tối đa. Tỷ lệ chiết khấu cho mỗi loại tài sản thế chấp được hướng dẫn trong các Thông tư và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và được Ngân hàng điều chỉnh cho từng trường hợp cụ thể. Khi giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp bị giảm, Ngân hàng sẽ yêu cầu khách hàng vay vốn phải thế chấp thêm tài sản để duy trì mức độ an toàn đối với rủi ro của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng đối với các cam kết chủ yếu bao gồm thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính có tính chất tương tự như rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay. Thư tín dụng kèm chứng từ và thư tín dụng thương mại - là các cam kết bằng văn bản của Ngân hàng thay mặt cho khách hàng thanh toán cho bên thứ ba lên đến số tiền quy định theo các điều khoản và điều kiện cụ thể - được đảm bảo bằng chính hàng hóa liên quan và do đó rủi ro thấp hơn so với các khoản cho vay trực tiếp. Việc phát hành thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính được thực hiện theo các quy trình đánh giá và phê duyệt tín dụng như đối với các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng trừ khi khách hàng ký quỹ 100% cho các cam kết có liên quan.

8.8.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất, các sản phẩm tiền tệ và công cụ vốn, tất cả các sản phẩm này đều chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi của mức độ biến động của giá thị trường như: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác.

A. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc phân tích thời hạn định lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và công nợ của Ngân hàng.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

► Tiền mặt, vàng bạc đá quý; đầu tư chứng khoán vốn; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản có khác, trừ ủy thác đầu tư) được xếp loại là khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất; việc phân tích thời hạn định lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và công nợ của Ngân hàng.

► Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại là tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại là khoản mục đến một tháng;

► Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính của từng loại chứng khoán;

► Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:

Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính;

Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc năm tài chính.

► Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn nhận tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn còn lại của từng hợp đồng;

► Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất hoặc kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian định lại lãi suất khác nhau.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

		Quá hạn	Không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất	Đến 01 tháng	Từ trên 01 đến 03 tháng	Từ trên 03 đến 06 tháng	Từ trên 06 đến 12 tháng	Từ trên 01 đến 05 năm	Trên 5 năm	Tổng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN										
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	585.389	-	-	-	-	-	-	585.389
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.219.788	-	-	-	-	-	1.219.788
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	23.319.775	2.500.000		508.551	-	-	26.328.326
IV	Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	999.245	5.199.128	4.399.988	11.990.451	-	-	22.588.812
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	280.846	-	-	-	-	-	280.846
VI	Cho vay khách hàng (*)	1.824.486	-	28.337.252	85.543.780	2.137.464	8.410.512	131.945	19.796	126.405.235
VII	Chứng khoán đầu tư (*)	-	252.000	-	294.038	-	1.051.228	8.718.276	2.327.690	12.643.232
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	52.605	-	-	-	-	-	-	52.605
IX	Tài sản cố định	-	1.040.596	-	-	-	-	-	-	1.040.596
X	Bất động sản đầu tư	-	3.683	-	-	-	-	-	-	3.683
XI	Tài sản có khác (*)	-	6.271.622	-	-	-	-	-	-	6.271.622
		1.824.486	**8.205.895**	**54.156.906**	**93.536.946**	**6.537.452**	**21.960.742**	**8.850.221**	**2.347.486**	**197.420.134**

(*) Các mục này không tính đến dự phòng rủi ro

		Quá hạn	Không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất	Đến 01 tháng	Từ 01 đến 03 tháng	Từ 03 đến 06 tháng	Từ 06 đến 12 tháng	Từ 01 đến 05 năm	Trên 5 năm	Tổng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NỢ PHẢI TRẢ										
I	Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	26.378.794	12	145	642	133	-	26.379.726
II	Tiền gửi của khách hàng	-	392.873	24.429.626	27.283.506	35.187.047	31.253.016	8.477.567	-	127.023.635
III	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	63.579	-	63.579
IV	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	2.000.000	3.000.000	15.734.955	4.165.400	24.900.355
V	Các khoản nợ khác	-	4.144.103	-	-	-	-	-	-	4.144.103
		-	**4.536.976**	**50.808.420**	**27.283.518**	**37.187.192**	**34.253.658**	**24.276.234**	**4.165.400**	**182.511.398**
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng		**1.824.486**	**3.668.919**	**3.348.486**	**66.253.428**	**(30.649.740)**	**(12.292.916)**	**(15.426.013)**	**(1.817.914)**	**14.908.736**
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)		-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng		**1.824.486**	**3.668.919**	**3.348.486**	**66.253.428**	**(30.649.740)**	**(12.292.916)**	**(15.426.013)**	**(1.817.914)**	**14.908.736**

B. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền sử dụng là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ. Trạng thái đồng tiền được giám sát hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo loại tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	EUR được quy đổi	**USD được quy đổi**	**Các ngoại tệ khác được quy đổi**	**Tổng**
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản				
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	7.083	38.888	-	45.971
II. Tiền gửi tại NHNN	-	26.663	-	26.663
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	10.822	1.164.947	179.131	1.354.900
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	-	-
V. Cho vay khách hàng (*)	-	139.603	-	139.603
VI. Tài sản có khác (*)	-	84.952	2.154	87.106
Tổng tài sản	**17.905**	**1.455.053**	**181.285**	**1.654.243**
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
I. Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	645.952	-	645.952
II. Tiền gửi của khách hàng	7.767	204.933	99	212.799
III. Các CCTC phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	2.864.471	-	2.864.471
IV. Các khoản nợ khác	12	2.039	87	2.138
Tổng Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	**7.779**	**3.717.395**	**186**	**3.725.360**
I. Trạng thái tiền tệ nội bảng	10.126	(2.262.342)	181.099	(2.071.117)
II. Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	(44.865)	-	(44.865)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	**10.126**	**(2.307.207)**	**181.099**	**(2.115.982)**

(*) Các mục này không tính đến dự phòng rủi ro

Tỷ giá quy đổi tại ngày kết thúc năm tài chính

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
USD	25.800	25.000
EUR	30.890	26.230
JPY	171	165
HKD	3.250	2.900
GBP	35.440	31.770
SGD	20.600	18.640
CAD	19.250	17.610
CHF	33.360	27.970
AUD	17.610	16.000

C. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

► Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;

► Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;

► Chứng khoán kinh doanh được xếp vào loại kỳ hạn đến 1 tháng;

► Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị gốc không bao gồm dự phòng rủi ro;

► Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;

► Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;

► Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày đáo hạn:

		Quá hạn		Trong hạn					
		Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 01 tháng	Từ trên 01 đến 03 tháng	Từ trên 03 đến 12 tháng	Từ trên 01 đến 05 năm	Trên 5 năm	Tổng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN									
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	585.389	-	-	-	-	585.389
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.219.788	-	-	-	-	1.219.788
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	23.319.775	2.500.000	508.551		-	26.328.326
IV	Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	22.588.812	-	-	-	-	22.588.812
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	280.846	-	-	-	-	280.846
VI	Cho vay khách hàng (*)	1.454.746	369.740	3.839.791	12.212.465	39.658.032	38.500.145	30.370.316	126.405.235
VII	Chứng khoán đầu tư (*)			252.000	294.038	1.051.228	8.718.275	2.327.691	12.643.232
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	52.605	-	52.605
IX	Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	1.044.279	1.044.279
X	Tài sản có khác (*)	-	-	435.358	840.407	2.631.390	1.878.325	486.142	6.271.622
		1.454.746	**369.740**	**52.521.759**	**15.846.910**	**43.849.201**	**49.149.350**	**34.228.428**	**197.420.134**
NỢ PHẢI TRẢ									
I	Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	26.378.794	12	787	133	-	26.379.726
II	Tiền gửi của khách hàng	-	-	24.822.500	27.283.506	66.440.063	8.477.566	-	127.023.635
III	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	63.579	-	63.579
IV	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	5.000.000	15.734.955	4.165.400	24.900.355
V	Các khoản nợ khác	-	-	1.410.405	731.586	1.775.928	226.184	-	4.144.103
		-	**-**	**52.611.699**	**28.015.104**	**73.216.778**	**24.502.417**	**4.165.400**	**182.511.398**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng		**1.454.746**	**369.740**	**(89.940)**	**(12.168.194)**	**(29.367.577)**	**24.646.933**	**30.063.028**	**14.908.736**

(*) Các mục này không tính đến dự phòng rủi ro

8.9 Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Khu vực	Cho vay khách hàng và cho vay TCTD khác	Tiền gửi và tiền vay từ khách hàng và các TCTD khác	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán	CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Các cam kết tín dụng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước (*)	126.913.786	152.380.937	35.232.044	280.846	6.998.979
	126.913.786	**152.380.937**	**35.232.044**	**280.846**	**6.998.979**

(*) Các mục này không tính đến dự phòng rủi ro

8.10 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Hoạt động khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm nay	**Năm trước**	**Năm nay**	**Năm trước**	**Năm nay**	**Năm trước**	**Năm nay**	**Năm trước**	**Năm nay**	**Năm trước**
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
I. Thu nhập	**13.693.932**	**12.098.605**	**53.838**	**12.638**	**638.427**	**505.690**	**-**	**-**	**14.386.197**	**12.616.933**
1. Thu nhập từ lãi	13.497.850	11.784.427	-	-	58.879	27.686	-	-	13.556.729	11.812.113
2. Thu nhập từ hoạt động đầu tư	196.082	314.178	53.838	12.638	-	-	-	-	249.920	326.816
3. Thu nhập từ hoạt động khác	-	-	-	-	579.548	478.004	-	-	579.548	478.004
II. Chi phí	**10.127.135**	**8.521.405**	**-**	**-**	**223.102**	**434.565**	**2.320.344**	**2.249.272**	**12.670.581**	**11.205.242**
1. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	10.109.831	8.490.903	-	-	-	-	-	-	10.109.831	8.490.903
2. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	17.304	30.502	-	-	223.102	434.565	2.267.047	2.198.274	2.507.453	2.663.341
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-	-	-	-	-	53.297	50.998	53.297	50.998
Kết quả kinh doanh bộ phận trước dự phòng	**3.566.797**	**3.577.200**	**53.838**	**12.638**	**415.325**	**71.125**	**(2.320.344)**	**(2.249.272)**	**1.715.616**	**1.411.691**
1. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	242.047	151.413	-	-	-	-	-	-	242.047	151.413
Kết quả kinh doanh bộ phận	**3.324.750**	**3.425.787**	**53.838**	**12.638**	**415.325**	**71.125**	**(2.320.344)**	**(2.249.272)**	**1.473.569**	**1.260.278**

8.10 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Huy động vốn và cho vay, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Hoạt động khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	31/12/2025 Triệu VND	**31/12/2024** Triệu VND	**31/12/2025** Triệu VND	**31/12/2024** Triệu VND	**31/12/2025** Triệu VND	**31/12/2024** Triệu VND	**31/12/2025** Triệu VND	**31/12/2024** Triệu VND	**31/12/2025** Triệu VND	**31/12/2024** Triệu VND
III. Tài sản (*)										
1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	-	-	585.389	566.596	585.389	566.596
2. Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	-	-	1.219.788	798.225	1.219.788	798.225
3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	18.935.229	9.694.945	-	-	-	-	7.393.097	6.328.677	26.328.326	16.023.622
4. Chứng khoán kinh doanh	22.588.812	24.599.926	-	-	-	-	-	-	22.588.812	24.599.926
5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	280.846	184.066	-	-	280.846	184.066
6. Cho vay khách hàng	126.405.235	109.552.804	-	-	-	-	-	-	126.405.235	109.552.804
7. Chứng khoán đầu tư	12.391.232	9.264.055	252.000	136.500	-	-	-	-	12.643.232	9.400.555
8. Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	52.605	168.105	-	-	-	-	52.605	168.105
9. Tài sản cố định	-	-	-	-	3.683	3.683	1.040.596	1.058.591	1.044.279	1.062.274
10. Tài sản có khác	5.471.593	4.096.460	-	-	122.279	29.300	677.750	371.138	6.271.622	4.496.898
Tổng tài sản	**185.792.101**	**157.208.190**	**304.605**	**304.605**	**406.808**	**217.049**	**10.916.620**	**9.123.227**	**197.420.134**	**166.853.071**
IV. Nợ phải trả										
1. Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.022.424	7.504	-	-	-	-	-	-	1.022.424	7.504
2. Tiền gửi và vay các TCTD khác	25.357.302	11.881.039	-	-	-	-	-	-	25.357.302	11.881.039
3. Tiền gửi của khách hàng	127.023.635	122.549.687	-	-	-	-	-	-	127.023.635	122.549.687
4. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	63.579	25.652	-	-	-	-	-	-	63.579	25.652
5. Phát hành giấy tờ có giá	24.900.355	16.020.800	-	-	-	-	-	-	24.900.355	16.020.800
6. Các khoản nợ khác	3.390.419	2.456.206	-	-	-	-	753.684	763.355	4.144.103	3.219.561
Tổng nợ phải trả	**181.757.714**	**152.940.888**	**-**	**-**	**-**	**-**	**753.684**	**763.355**	**182.511.398**	**153.704.243**

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á
Số 117 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

8.10 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Thu nhập và chi phí phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 cũng như tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2025 của Ngân hàng phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ngân hàng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

8.11 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

NGUYỄN THÙY TRƯỜNG GIANG	**NGUYỄN HỒNG YẾN**	**THÁI HƯƠNG**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Nghệ An, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Trên đây là toàn văn Báo cáo thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Bắc Á.

Nghệ An, ngày 06 tháng 04 năm 2026

NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á

TỔNG GIÁM ĐỐC



Thái Hương